

LỜI NÓI ĐẦU

Trong quá trình sản xuất kinh doanh nhất là trong cơ chế thị trường hiện nay, để có thể tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để không ngừng hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh, tăng tích lũy. Do đó, các doanh nghiệp phải thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, cơ chế hạch toán kinh doanh đòi hỏi các doanh nghiệp không những bù đắp được chi phí sản xuất mà phải có lãi. Vì vậy, vấn đề đặt ra là các doanh nghiệp trong quá trình sản xuất phải tính được chi phí sản xuất bỏ ra một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời. Hạch toán chính xác chi phí sản xuất là cơ sở để tính đúng, tính đủ giá thành. Từ đó giúp các doanh nghiệp tìm mọi cách để hạ thấp chi phí sản xuất ở mức tối đa hạ thấp và tiết kiệm chi phí sản xuất cũng chính là biện pháp để hạ thấp từng yếu tố của quá trình sản xuất như: Chi phí về nguyên vật liệu, chi phí tiền lương, chi phí quản lý....để từ đó hạ giá thành sản phẩm.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất, khoản mục chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí của doanh nghiệp. Mọi sự biến động về chi phí nguyên vật liệu đều làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm từ đó ảnh hưởng đến thu nhập của doanh nghiệp. Do vậy, hạ thấp và tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu là giảm một phần đáng kể chi phí sản xuất. Mặt khác, trong các doanh nghiệp sản xuất vật chất nguyên vật liệu gồm nhiều chủng loại, được cung cấp từ nhiều nguồn khác nhau thường xuyên biến động về số lượng cũng như giá cả. Do đó, cần phải có biện pháp theo dõi quản lý từ khâu thu mua vật liệu đến khâu xuất sử dụng cho sản xuất về cả chỉ tiêu số lượng cũng như giá trị, đảm bảo cho quá trình sản xuất diễn ra bình thường. Thông qua công tác hạch toán vật liệu sẽ làm cho doanh nghiệp sử dụng vật liệu một cách tốt nhất, tránh lãng phí từ đó giảm chi phí nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm. Vì vậy, bên cạnh vấn đề trọng tâm là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản

phẩm thì tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu cũng là vấn đề đáng được các doanh nghiệp quan tâm hiện nay.

Tại Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng là một doanh nghiệp sản xuất đem với đặc điểm nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm thì việc tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu là biện pháp hữu hiệu nhất để giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho công ty, vì vậy điều tất yếu là công ty phải quan tâm đến khâu hạch toán chi phí nguyên vật liệu.

Nhận thức về tầm quan trọng của vật liệu đối với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị đồng thời qua nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng, được sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc công ty, các cán bộ phòng kế toán công ty, em nhận thấy kế toán vật liệu ở công ty giữ một vai trò rất quan trọng. Chính vì vậy em đã chọn và đi sâu vào nghiên cứu đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng”***.

Nội dung của chuyên đề bao gồm: Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, chuyên đề bao gồm các nội dung chính sau:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng.

Chương 3: Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng.

Do thời gian và trình độ có hạn nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo và các cán bộ nghiệp vụ ở Công ty để luận văn được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Nguyễn Văn Thụ, các thầy cô trong khoa kinh tế và các cán bộ nghiệp vụ của Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng đã giúp em hoàn thành luận văn này.

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Hiện nay các Doanh nghiệp đứng trước áp lực cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường, do vậy để có thể tìm được chỗ đứng vững chắc trên thị trường đòi hỏi công tác quản lý nguyên vật liệu sao cho khoa học và chính xác. Kết hợp với đặc điểm của ngành sản xuất đẽm rất nhiều loại nguyên vật liệu gây ra khó khăn cho việc theo dõi, kiểm tra sự biến động của từng loại nguyên vật liệu. Thực tế này đặt ra yêu cầu cho công tác kế toán làm sao phản ánh chính xác sự biến động về cả số lượng và giá trị sao cho tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sẽ tạo ra sự cạnh tranh lớn đem lại lợi nhuận cao. Việc cung cấp nguyên vật liệu có kịp thời đầy đủ hay không sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch và quá trình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Nguyên vật liệu không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất mà còn ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng cao, đúng quy cách chủng loại thì sản phẩm tạo ra mới phù hợp với nhu cầu thị trường tạo sức cạnh tranh cao.

Tóm lại nguyên vật liệu là yếu tố không thể thiếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh nó quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.2.1 Khái niệm nguyên vật liệu:

- Kal Max gọi tất mọi vật trong thiên nhiên ở xung quanh ta mà lao động có ích của con người có thể tác động vào là đối tượng lao động. Nguyên vật liệu là đối tượng lao động nhưng không phải bất cứ đối tượng lao động nào cũng là nguyên vật liệu. Chỉ trong điều kiện đối tượng lao động có thể phục vụ cho quá trình sản xuất hay tái tạo ra sản phẩm và đối tượng đó do lao động tạo ra mới trở thành vật liệu.

Vậy nguyên vật liệu là đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hoá chi tham

gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng sản phẩm được sản xuất ra.

1.1.2.2 Đặc điểm nguyên vật liệu.

- Nguyên vật liệu là đối tượng lao động nên có đặc điểm sau :
- + Tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh.
- + Thay đổi hình dáng ban đầu sau quá trình sử dụng và chuyển toàn bộ giá trị vào giá trị của sản phẩm sản xuất ra.

Thông thường trong cấu tạo giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn, nên việc sử dụng tiết kiệm vật liệu và sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

1.1.3 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp

1.1.3.1 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu là tài sản dự trữ kinh doanh thường xuyên biến động. Để hoạt động kinh doanh diễn ra bình thường, Doanh nghiệp phải thường xuyên thu mua nguyên vật liệu và xuất dùng cho sản xuất kinh doanh.

- Nguyên vật liệu được nhập từ nhiều nguồn và giá cả thường xuyên biến động trên thị trường. Do đó để làm tốt công tác quản lý nguyên vật liệu phải được theo dõi chặt chẽ ở các khâu: Thu mua, bảo quản, sử dụng và dự trữ. Trong quá trình này nếu quản lý không tốt sẽ ảnh hưởng chất lượng giá trị sản phẩm. Cụ thể yêu cầu công tác quản lý nguyên vật liệu là:

- Trong khâu thu mua: Phải quản lý về khối lượng, quy cách đúng chủng loại và chất lượng, giá mua, chi phí thu mua của nguyên vật liệu phải được phản ánh đầy đủ và chính xác. Kế hoạch mua nguyên vật liệu phải đúng tiến độ thời gian phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong khâu bảo quản: Để tránh mất mát hư hỏng, hao hụt, đảm bảo an toàn nguyên vật liệu phải tổ chức kho tàng bền bãi, thực hiện đúng chế độ bảo

quản đối với từng loại nguyên vật liệu. Nếu không thực hiện tốt công tác này sẽ ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng của nguyên vật liệu.

- Trong khâu sử dụng: Phải thực hiện tốt định mức tiêu hao, sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức và dự toán chi phí phát huy hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu. Đồng thời phải thường xuyên thực hiện phân tích định mức tiêu hao nguyên vật liệu đó cũng là cơ sở làm tăng thêm ...Do vậy trong khâu sử dụng cần phải tổ chức tốt việc ghi chép phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất.

- Trong khâu dự trữ: Để đảm bảo cho quá trình kinh doanh được bình thường không được ngưng trệ, gián đoạn do cung ứng không kịp thời hoặc gây tình trạng đọng vốn do dự trữ quá nhiều đòi hỏi Doanh nghiệp phải xác định mức tối thiểu.

1.3.1.2 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là yếu tố đầu tiên của quá trình sản xuất, nếu biết cách quản lý có kế hoạch sử dụng tốt có hiệu quả sẽ tạo ra các yếu tố đầu ra và cơ hội để cạnh tranh tốt. Hạch toán nguyên vật liệu nhằm cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin cho quản lý giúp các doanh nghiệp ngăn ngừa các hiện tượng sử dụng lãng phí tham ô, làm thất thoát nguyên vật liệu trong quá trình sử dụng từ đó hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Xuất phát từ yêu cầu đó kế toán nguyên vật liệu cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác kịp thời số lượng, chất lượng và giá trị thực tại của từng loại nguyên vật liệu đồng thời phản ánh giá trị nhập- xuất - tồn, tiêu hao sử dụng cho sản xuất.

- Tổ chức đánh giá, phân loại nguyên vật liệu phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu quản lý của nhà nước và yêu cầu của quản trị doanh nghiệp.

- Phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch thu mua và dự trữ nguyên vật liệu. Phát hiện kịp thời nguyên vật liệu tồn đọng kém phẩm chất để có biện pháp xử lý nhằm hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất.

- Kiểm tra chi phí thu mua, tính giá nguyên vật liệu nhập xuất kho.

- Phân bổ giá trị nguyên vật liệu một cách đúng đắn.
- Vận dụng đúng đắn các phương pháp hạch toán nguyên vật liệu theo chế độ.
- Tổ chức chứng từ, sổ sách kế toán phù hợp với phương pháp hạch toán nguyên vật liệu của doanh nghiệp. Mở các loại sổ sách thể chi tiết nguyên vật liệu đúng chế độ.

1.1.4 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.

1.1.4.1 Phân loại nguyên vật liệu

- ❖ Căn cứ nội dung kinh tế và yêu cầu kế toán quản trị doanh nghiệp nguyên vật liệu được phân loại:

- Nguyên vật liệu chính: Là những loại nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể sản phẩm.

- Nguyên vật liệu phụ: Là những loại vật khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể sản phẩm mà có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị hình dáng bề ngoài tăng thêm chất lượng cho sản phẩm hàng hóa hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm.

- Nhiên liệu: là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất tạo điều kiện cho quá trình chế tạo. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn, thể khí.

- Phụ tùng thay thế: Là những vật tư sản phẩm dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị phương tiện vận tải công cụ sản xuất.

- Vật liệu khác: bao gồm phế liệu là vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hoặc thanh lý tài sản có thể sử dụng hoặc bán và các nguyên liệu còn lại ngoài các thứ chưa kể trên tùy theo yêu cầu quản lý và kế toán chi phí mà nguyên vật liệu được phân loại chi tiết hơn.

- ❖ Căn cứ nguồn hình thành nguyên vật liệu được phân loại:

- Nguyên vật mua ngoài
- Nguyên vật liệu doanh nghiệp tự sản xuất
- Nguyên vật liệu từ nguồn khác như: cấp phát, biếu tặng...

- ❖ Căn cứ mục đích sử dụng nguyên vật được phân loại:
 - Nguyên vật liệu dùng trực tiếp sản xuất, chế tạo sản phẩm.
 - Nguyên vật dùng cho nhu cầu bán hàng.
 - Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu quản lý doanh nghiệp.

1.1.4.2 Tính giá nguyên vật liệu.

➤ Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Theo chuẩn mực kế toán số 02, nguyên vật liệu được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Giá gốc nguyên vật liệu bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến, các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có thể có được nguyên vật liệu ở trạng thái hiện tại.

• Chi phí thu mua của nguyên vật liệu bao gồm: giá mua, các loại thuế không được khấu trừ hoàn lại, chi phí vận chuyển bốc xếp bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí thu mua.

• Chi phí chế biến nguyên vật liệu bao gồm: những chi phí liên quan trực tiếp đến sản xuất sản phẩm như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định, chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm.

• Chi phí liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc nguyên vật liệu bao gồm các khoản phí khác ngoài chi phí thu mua và chi phí chế biến nguyên vật liệu.

- Chi phí không được tính vào giá gốc nguyên vật liệu:

• Chi phí nguyên vật liệu phát sinh khác trên mức bình thường.

• Chi phí bảo quản nguyên vật liệu trừ các khoản chi phí bảo quản nguyên vật liệu cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng.

- Đối với nguyên vật liệu nhập kho thì giá thực tế nguyên vật liệu mua ngoài do các bên xác định được xác định theo nguồn nhập.

• Nguyên vật liệu mua ngoài:

Giá thực tế nhập kho = giá mua ghi trên HĐ + các loại thuế nhập khẩu + chi phí thu mua thực tế - các khoản giảm trừ (chiết khấu (cp v/c, bốc xếp) TM, giảm giá...)

- Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công chế biến

Giá thực tế nhập kho = Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất gia công chế biến

- Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến

Giá thực tế nhập kho = giá NVL xuất thuê ngoài gia công + chi phí vận chuyển bốc xếp + chi phí thuê ngoài gia công + chi phí chế biến

Đối với nguyên vật liệu nhận góp vốn: Giá nhập kho là giá được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp thuận.

- Đối với nguyên vật liệu được biếu tặng: Giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo giá trên thị trường.

➤ Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Nguyên vật liệu được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, từ nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó, khi xuất kho nguyên vật liệu tùy thuộc đặc điểm hoạt động, yêu cầu trình độ quản lý và điều kiện phương tiện trang thiết bị, kỹ thuật tính toán ở từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lựa chọn 1 trong 4 phương pháp để xác định trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.

Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá nguyên vật liệu được áp dụng theo 1 trong 4 phương pháp sau: phương pháp tính giá theo thực tế đích danh, phương pháp bình quân gia quyền, phương pháp nhập trước - xuất trước, phương pháp nhập sau - xuất trước.

❖ Phương pháp tính giá theo thực tế đích danh:

- Theo phương pháp này giá của vật tư nhập kho sẽ được giữ nguyên từ khi nhập đến khi xuất kho. Khi xuất kho loại vật tư nào thì lấy giá của loại vật tư đó.

- Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có chủng loại vật tư ít, có thể nhận diện từng lô hàng.

Ưu điểm: Phương pháp này khá chính xác, thuận lợi cho kế toán trong việc tính giá vật tư và theo dõi chính xác được thời gian bảo quản của từng loại vật tư.

Nhược điểm: Đòi hỏi doanh nghiệp phải có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho, công tác quản lý chặt chẽ, tỉ mỉ, phức tạp.

❖ Phương pháp nhập trước - xuất trước(FIFO):

- Phương pháp này được thực hiện như sau: Lô hàng nguyên vật liệu nào được nhập kho trước sẽ được xuất dùng trước. Hàng tồn kho cuối kỳ là hàng mới nhất. Do vậy, giá hàng xuất dùng được tính hết theo giá thực tế của lần nhập trước, song mới xuất đến lần nhập sau. Nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá tồn kho cao, hàng xuất thấp, chi phí kinh doanh giảm, lợi nhuận tăng và ngược lại.

Ưu điểm: Với phương pháp này, việc tính toán đơn giản dễ làm và tương đối hợp lý, chính xác.

Nhược điểm: Khối lượng tính toán nhiều, phụ thuộc vào xu thế giá cả trên thị trường, phải tiến hành công phu.

❖ Phương pháp nhập sau - xuất trước(LIFO)

- Theo phương pháp này, những vật tư nhập kho sau sẽ được xuất trước. Nghĩa là: Giá trị xuất kho của vật tư được tính theo giá của vật tư ở lần nhập gần nhất.

- Ở phương pháp này chi phí sản xuất luôn gắn với giá cả thị trường nên lợi nhuận mang tính an toàn hơn khi giá cả có xu hướng tăng lên. Song vẫn phụ thuộc giá cả thị trường. Phương pháp này phù hợp với trường hợp xuất hiện lạm phát.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền.

- Theo phương pháp này, giá trị xuất kho của từng loại vật tư được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị của từng loại hàng tồn kho nhập trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp

- Phương pháp bình quân gia quyền có thể thực hiện theo cả kỳ hoặc bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn).

• Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

Trị giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất * Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ

Giá bq đ/vị = $\frac{\text{giá trị thực tế vật tư tồn đầu kỳ} + \text{giá trị thực tế vật tư nhập trong kỳ}}{\text{số lượng vật tư tồn trong kỳ} + \text{số lượng vật tư nhập trong kỳ}}$

Ưu điểm: Tính giá vật liệu xuất kho chính xác.

Nhược điểm: Phương pháp này chỉ tiến hành vào cuối tháng nên khối lượng công việc nhiều ảnh hưởng đến công tác quyết toán.

• Phương pháp bình quân liên hoàn

Giá trị thực tế xuất kho = số lượng xuất * giá đơn vị bq sau mỗi lần nhập

Giá đơn vị bq sau mỗi lần nhập = $\frac{\text{Giá trị thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$

Ưu điểm: Phương pháp này khắc phục nhược điểm của 2 phương pháp trên.

Nhược điểm: Phương pháp này tốn nhiều công sức, tốn kém nhiều lần.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.1 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được sử dụng 1 trong 3 phương pháp

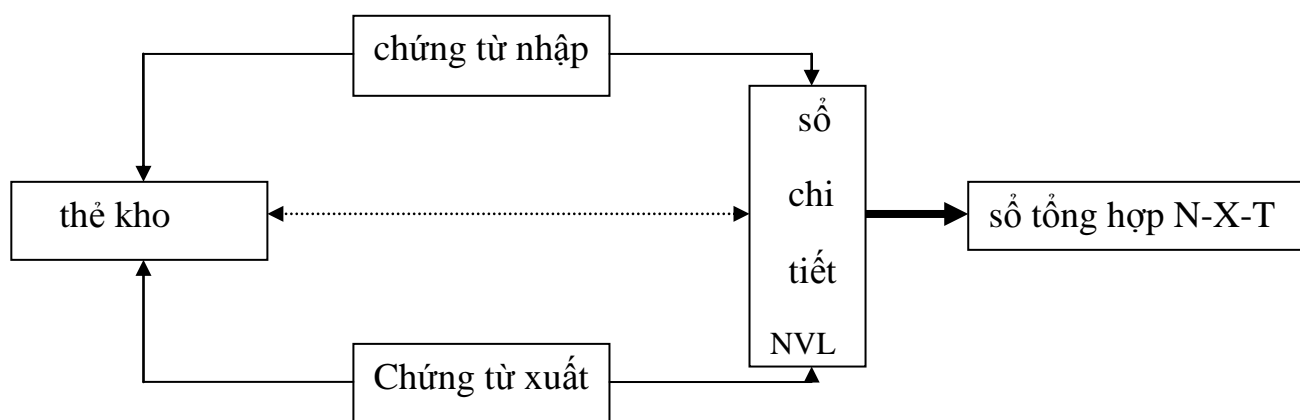
- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

1.2.1.1 Phương pháp thẻ song song

- Ở kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình xuất – nhập - tồn vật tư về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật tư. Cuối tháng, thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập xuất tính ra số tồn kho về mặt số lượng theo từng danh điểm vật tư.

- Ở phòng kế toán: Kế toán vật tư mở sổ chi tiết vật liệu cho từng danh điểm theo dõi về mặt số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất do thủ kho chuyển tới, kế toán vật tư phải kiểm tra đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán và tính ra số tiền. Sau đó ghi các nghiệp vụ nhập xuất vào sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cuối tháng tiến hàng cộng sổ và đối chiếu với thẻ kho.

Sơ đồ 1.1 Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Đối chiếu ↔

Ghi định kỳ →

- **Ưu điểm**: Đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót việc ghi chép và quản lý.

- **Nhược điểm**: Có sự ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng.

- **Phạm vi áp dụng**: cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, nghiệp vụ phát sinh không nhiều, không thường xuyên và áp dụng cho những doanh nghiệp dùng giá mua thực tế để ghi chép kế toán vật tư tồn kho.

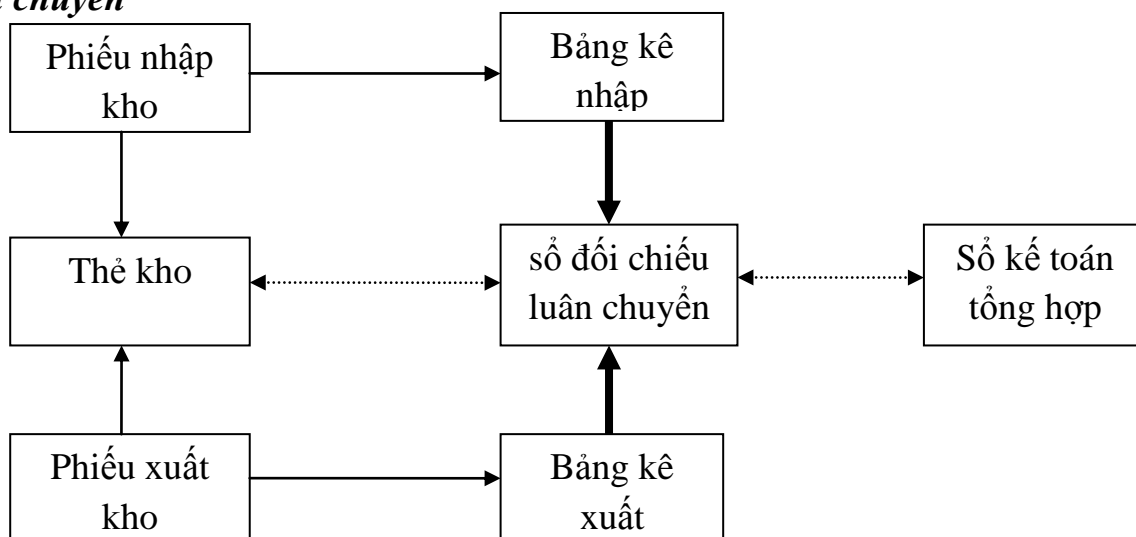
1.2.1.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Đối với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu và số lượng chứng từ nhập xuất không nhiều thì phương pháp thích hợp là phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi 1 dòng vào thẻ kho, thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật liệu. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập - xuất - tồn tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm.

- Tại phòng kế toán: Không mở sổ kế toán chi tiết mà mở sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng loại nguyên vật liệu theo từng kho. Sổ này mỗi tháng ghi 1 lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập xuất phát sinh trong tháng của từng vật tư, mỗi thứ chỉ ghi 1 dòng trên sổ. Cuối tháng đối chiếu số lượng trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho, đối chiếu số tiền với sổ tổng hợp.

Sơ đồ 1.2 hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Đối chiếu ←...→
Ghi cuối tháng, định kỳ →

- **Ưu điểm:** Giảm được khối lượng ghi chép so với phương pháp thẻ song song
- **Nhược điểm:** Vẫn còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng giữa thủ kho và phòng kế toán. Công việc dồn vào cuối tháng sẽ gây chậm số liệu, hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán. Nếu không lập bảng kê nhập - xuất dễ gây nhầm lẫn nhưng nếu lập số lượng ghi chép lớn, việc lập báo cáo nhanh dựa vào ghi chép của thủ kho.
- **Phạm vi áp dụng:** Thích hợp với những doanh nghiệp không đòi hỏi cung cấp thông tin nhanh phục vụ cho quản trị vật tư.

1.2.1.3 Phương pháp sổ số dư

Với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu, số lượng chứng từ nhập - xuất mỗi loại nhiều thì phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu thích hợp nhất là phương pháp sổ số dư.

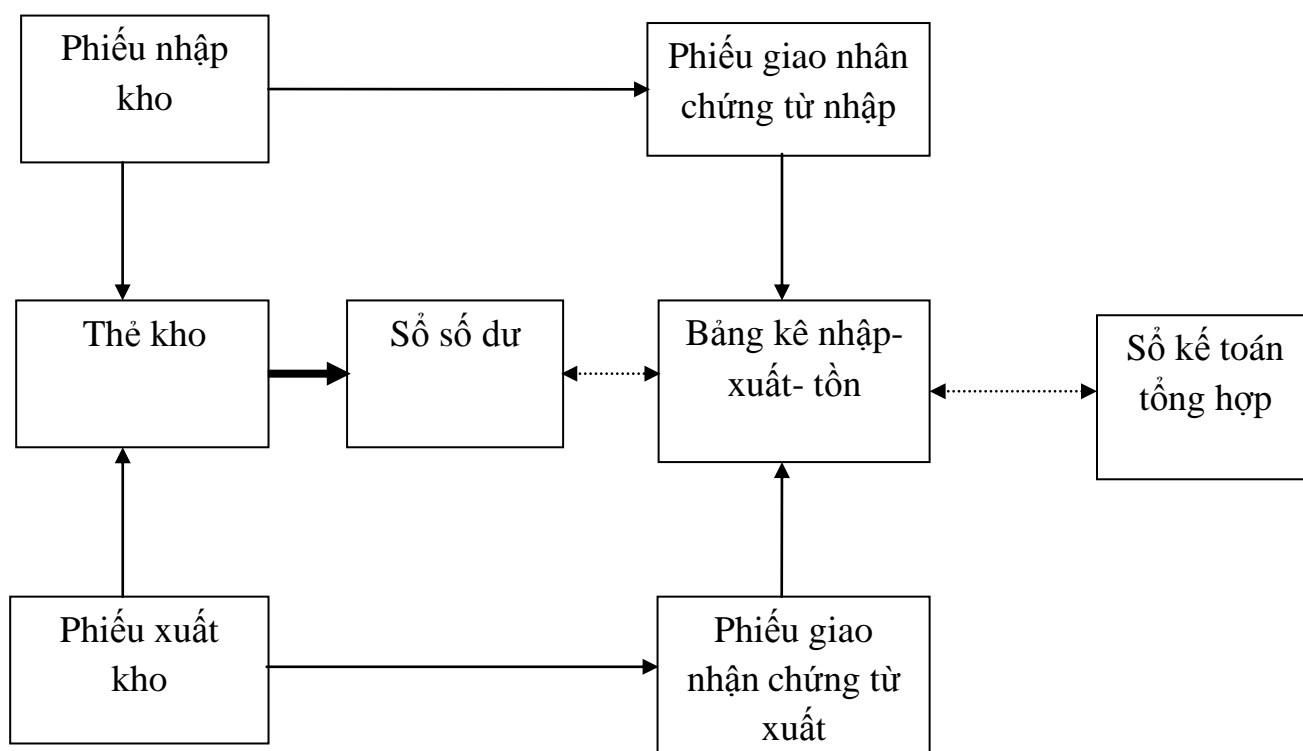
- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép số lượng vật tư nhập xuất tồn về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi 1 dòng vào thẻ kho, thẻ kho được mở cho từng danh điểm. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập - xuất tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm. Định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập-xuất phát sinh theo từng danh điểm. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập xuất vật tư. Ngoài ra thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm vật tư vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, các ngày cuối tháng, kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ. Ghi xong thủ kho phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính tiền.

- Tại phòng kế toán: Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận chứng từ kế toán kiểm tra và tính giá từng danh điểm theo từng chứng từ, tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời ghi số tiền vừa tính được của từng danh điểm (nhập riêng, xuất riêng) vào

bảng lũy kế nhập - xuất - tồn. Bảng này mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, được ghi trên cơ sở các phiếu giao nhận chứng từ.

- Tiếp đó kế toán cộng số tiền nhập - xuất trong tháng dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật tư. Số dư này được dùng để đối chiếu số dư trên sổ số dư (trên sổ số dư được tính bằng cách lấy số lượng tồn kho * giá của từng danh điểm).

Sơ đồ 1.3 *Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư*



Ghi chú: —→ Ghi hàng ngày
↔ Ghi cuối tháng, định kỳ
↔ Đối chiếu

- **Ưu điểm:** Giảm bớt khối lượng ghi chép của kế toán, công việc dàn đều trong tháng.

- **Nhược điểm:** Do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị lên nếu muốn biết số hiện có và tình hình tăng giảm về mặt hiện vật thì phải xem trên thẻ kho. Việc kiểm tra phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán sẽ gặp khó khăn và sự chênh lệch.

- **Phạm vi áp dụng:** Cho những công ty có vật tư gồm nhiều chủng loại, các nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống đơn giá hạch toán và danh điểm vật tư, kế toán viên có trình độ cao, thủ kho có chuyên môn tốt.

1.2.2 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Để đáp ứng yêu cầu của quản trị doanh nghiệp, kế toán nguyên vật liệu phải tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng một cơ sở chứng từ theo chế độ kế toán quy định được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC 20/03/2006 của BTC. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu là sự ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành, nguyên vật liệu thuộc hàng tồn kho. Do đó tình hình hiện có và tình hình biến động của chúng phụ thuộc vào doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ.

1.2.2.1 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, sự biến động tăng giảm về nguyên vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên các tài khoản kế toán nguyên vật liệu được dùng để phản ánh số hiện có tình hình biến động tăng giảm nguyên vật liệu. Vì vậy giá trị nguyên vật liệu trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế, nguyên vật liệu so sánh và đối chiếu với số liệu nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số nguyên vật liệu thực tế phải luôn phù hợp với số nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có chất lượng cao

❖ *Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu” : Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có tình hình biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 152

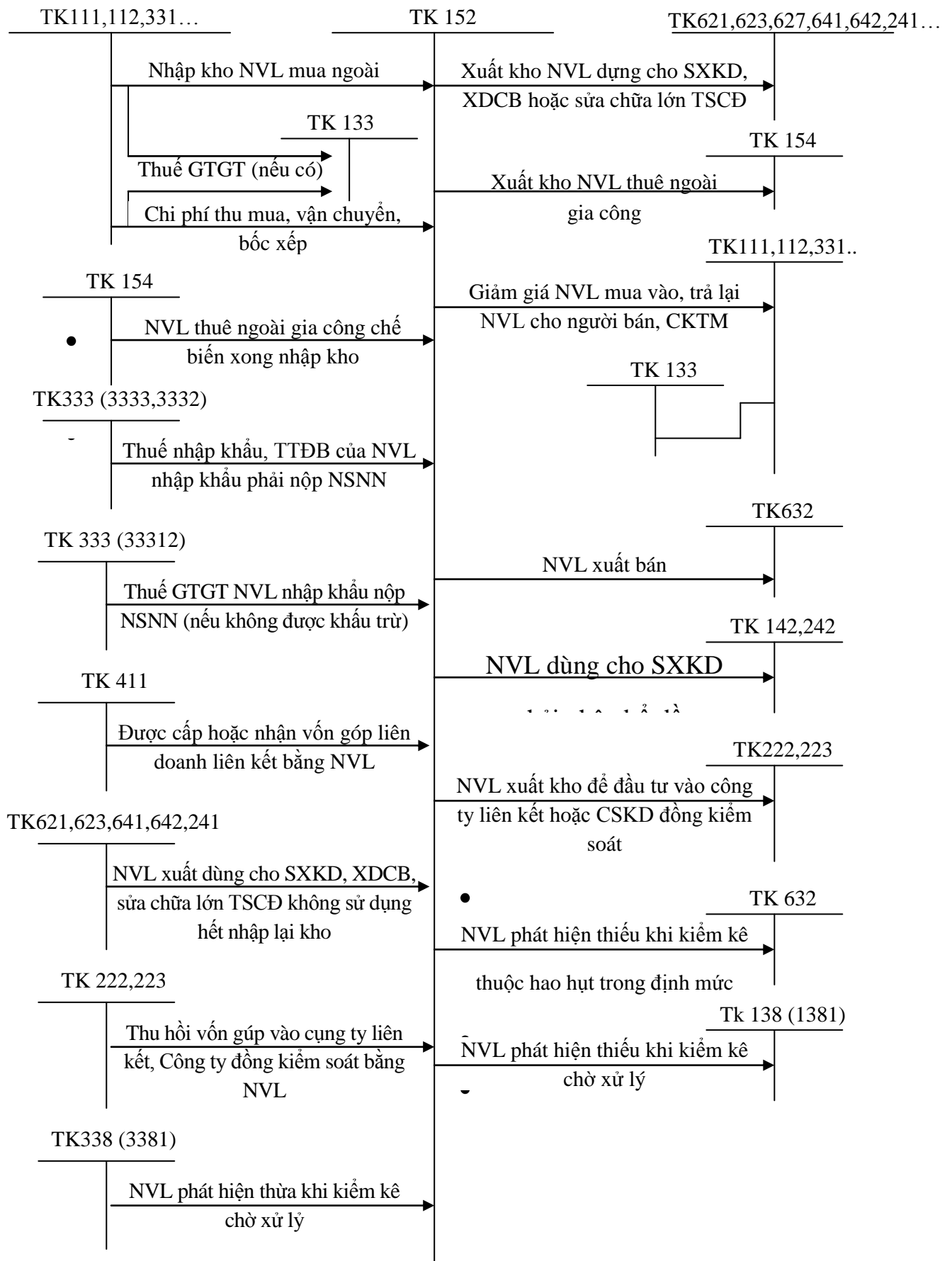
- Bên nợ: Phản ánh các nghiệp vụ làm tăng nguyên vật liệu trong kỳ (mua ngoài tự sản xuất, nhận góp vốn, phát hiện thừa)
- Bên có: Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm giảm nguyên vật liệu trong kỳ (xuất dùng, xuất bán, xuất góp vốn liên doanh, thiếu hụt...)
- Dư nợ: Phản ánh trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.
- Tài khoản 151 “Hàng mua đi đường”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của loại hàng hoá, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sử dụng của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151:

- Bên nợ: Phản ánh trị giá vật tư hàng hoá đang đi đường.
- Bên có: Phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư đã nhập kho hoặc đã giao thẳng cho khách hàng.
- Số dư nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đi trên đường.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Sơ đồ 1.4 Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Trong bút toán nhập kho nguyên vật liệu có một số trường hợp đặc biệt sau:

- Trường hợp nguyên vật liệu và hoá đơn cùng về:

Nợ TK 152

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

• Trường hợp nguyên vật liệu về chưa có hoá đơn: Nếu nguyên vật liệu về đã nhập kho nhưng hoá đơn chưa về thì chưa ghi sổ ngay mà lưu phiếu nhập kho vào cặp hóa đơn hàng chưa có hoá đơn. Nếu cuối tháng hoá đơn vẫn chưa về thì kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho ghi theo giá tạm tính:

Nợ TK 152:

Có TK 111,112,331:

Sang tháng hoá đơn về kế toán tính và điều chỉnh giá ở tháng trước

Nếu giá hoá đơn lớn hơn giá tạm tính

Nợ TK 152: Trị giá nguyên vật liệu điều chỉnh

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 111,112,331: Tổng giá điều chỉnh.

Nếu giá hoá đơn nhỏ hơn giá tạm tính

Nợ TK 111, 112, 331

Có TK 152

• Trường hợp hàng đang đi đường doanh nghiệp nhận được hoá đơn (hàng chưa về nhập kho). Kế toán chưa ghi sổ ngay mà lưu hoá đơn vào cặp hồ sơ “hàng đi đường”

Trong tháng nếu hàng đã về nhập kho thì kế toán căn cứ hoá đơn và phiếu nhập kho ghi bình thường như trường hợp hàng và hoá đơn cùng về.

Cuối tháng mà hàng vẫn chưa về thì căn cứ vào hóa đơn kế toán ghi tăng giá trị hàng đi đường.

Nợ TK 151:

Nợ TK 133:

Có TK 111,112,331:

Sang tháng sau khi hàng về nhập kho:

Nợ TK 152:

Có TK 151:

1.2.2.2 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Phương pháp kiểm kê định kỳ không phản ánh thường xuyên liên tục tình hình nhập - xuất nguyên vật liệu trên tài khoản 152. Các tài khoản này chỉ phản ánh giá trị nguyên vật liệu trong kho ở đầu kỳ và cuối kỳ. Việc nhập - xuất nguyên vật liệu hàng ngày được phản ánh ở tài khoản 611 “Mua hàng”. Cuối kỳ kiểm kê nguyên vật liệu sử dụng phương pháp cân đối để tính giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá vật tư} & & \text{trị giá vật tư tồn} & & \text{trị giá vật tư} & & \text{trị giá vật tư tồn kho} \\ \text{xuất kho} & = & \text{đầu kỳ} & + & \text{nhập trong kỳ} & - & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư hàng hóa (nhập - xuất - tồn kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của nguyên vật liệu mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng (Tài khoản 611- “Mua hàng”).

Công tác kiểm kê nguyên vật liệu được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị nguyên vật liệu tồn kho thực tế, trị giá nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ (tiêu dùng cho sản xuất hoặc xuất bán) làm căn cứ ghi sổ kế toán của tài khoản 611- “Mua hàng”.

Như vậy khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, tài khoản kế toán phản ánh nguyên vật liệu chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để phản ánh giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

❖ Tài khoản sử dụng:

- Để ghi chép vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán sử dụng TK 611 “Mua hàng”, TK 151 “Hàng đang đi đường”, 152 “Nguyên vật liệu”...

Kết cấu TK 611:

Bên nợ

+ Kết chuyển trị giá thực tế vật tư tồn đầu kỳ

+ Trị giá thực tế của vật tư nhập trong kỳ

Bên có

+ Kết chuyển trị giá thực tế vật tư tồn cuối kỳ

+ Trị giá vật tư xuất trong kỳ cho các mục đích khác

+ Trị giá vật tư mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá

Tài khoản 611 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

*TK 152: “Nguyên liệu, vật liệu”: Dùng để phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

Bên nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kì.

Bên có: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kì.

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kì.

*TK 151: “Hàng mua đang đi đường”

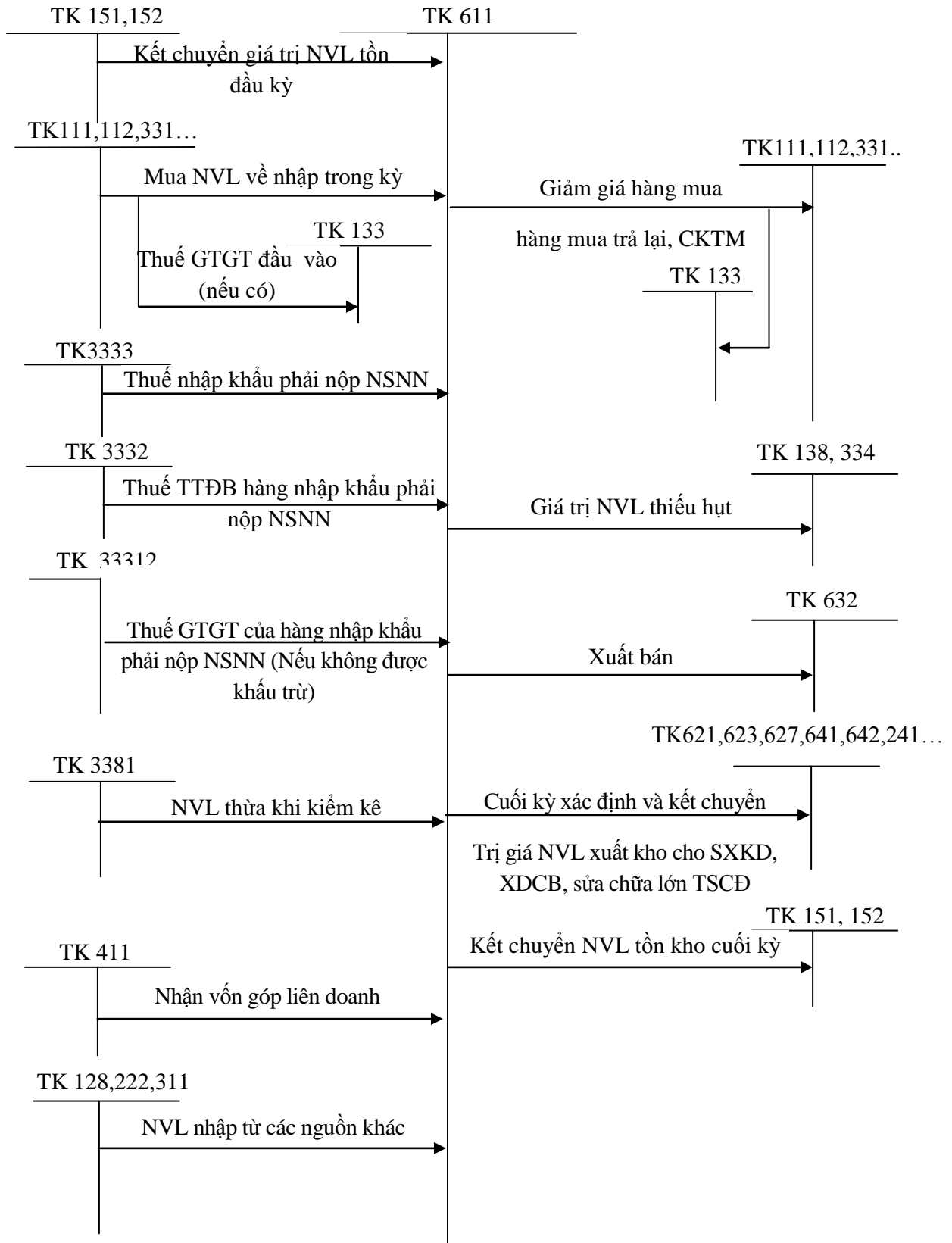
Bên nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư mua đang đi đường cuối kì.

Bên có: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: 133, 331, 111, 112...

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Sơ đồ 1.5 Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

❖ Nguyên tắc hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy thu nhập tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Cách xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Theo thông tư số 89 về hướng dẫn thực hiện 4 chuẩn mực kế toán, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần của hàng tồn kho có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá

hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Theo quy định hiện hành của chế độ kế toán tài chính thì dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính nhằm ghi nhận bộ phận giá trị thực tính giảm sút so với giá gốc (giá thực tế của hàng tồn kho) nhưng chưa chắc chắn. Qua đó, phản ánh được giá trị thực hiện thuần túy của hàng tồn kho trên báo cáo tài chính.

Giá trị thực hiện thuần túy = Giá gốc của hàng tồn kho - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Dự phòng giảm giá được lập cho các loại nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất, các loại vật tư, hàng hoá, thành phẩm tồn kho để bán mà giá trên thị trường thấp hơn thực tế đang ghi sổ kế toán. Những loại vật tư hàng hoá này là mặt hàng kinh doanh, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, có chứng cứ hợp lý, chứng minh giá vốn vật tư, hàng tồn kho. Công thức xác định mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Mức dự phòng cần lập = số lượng hàng tồn kho cuối niên độ x mức giảm giá của hàng tồn kho

❖ *Tài khoản sử dụng*

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng TK 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. TK 159 có kết cấu như sau:

Bên nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư cuối bên có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn hiện có cuối kỳ.

❖ ***Phương pháp hạch toán***

Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

1.4 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu.

Theo chế độ kế toán hiện hành của Bộ tài chính ban hành ở nước ta hiện tồn tại 5 hình thức sổ kế toán. Mỗi hình thức kế toán sử dụng các loại sổ sách khác nhau nhưng hầu hết đều chia thành hai loại sổ tổng hợp và sổ chi tiết.

☞ Hình thức Nhật kí – sổ cái.

Sổ chi tiết gồm có: Các loại sổ thẻ kế toán chi tiết.

Sổ tổng hợp: Nhật ký sổ cái

☞ Hình thức Nhật kí – chứng từ.

Sổ chi tiết gồm có: Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết, Nhật ký chứng từ, bảng kê.

Sổ tổng hợp: Sổ cái

☞ Hình thức Chứng từ ghi sổ.

Sổ chi tiết gồm: thẻ kế toán chi tiết, Chứng từ ghi sổ

Sổ tổng hợp: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái.

☞ Hình thức Kế toán trên máy vi tính

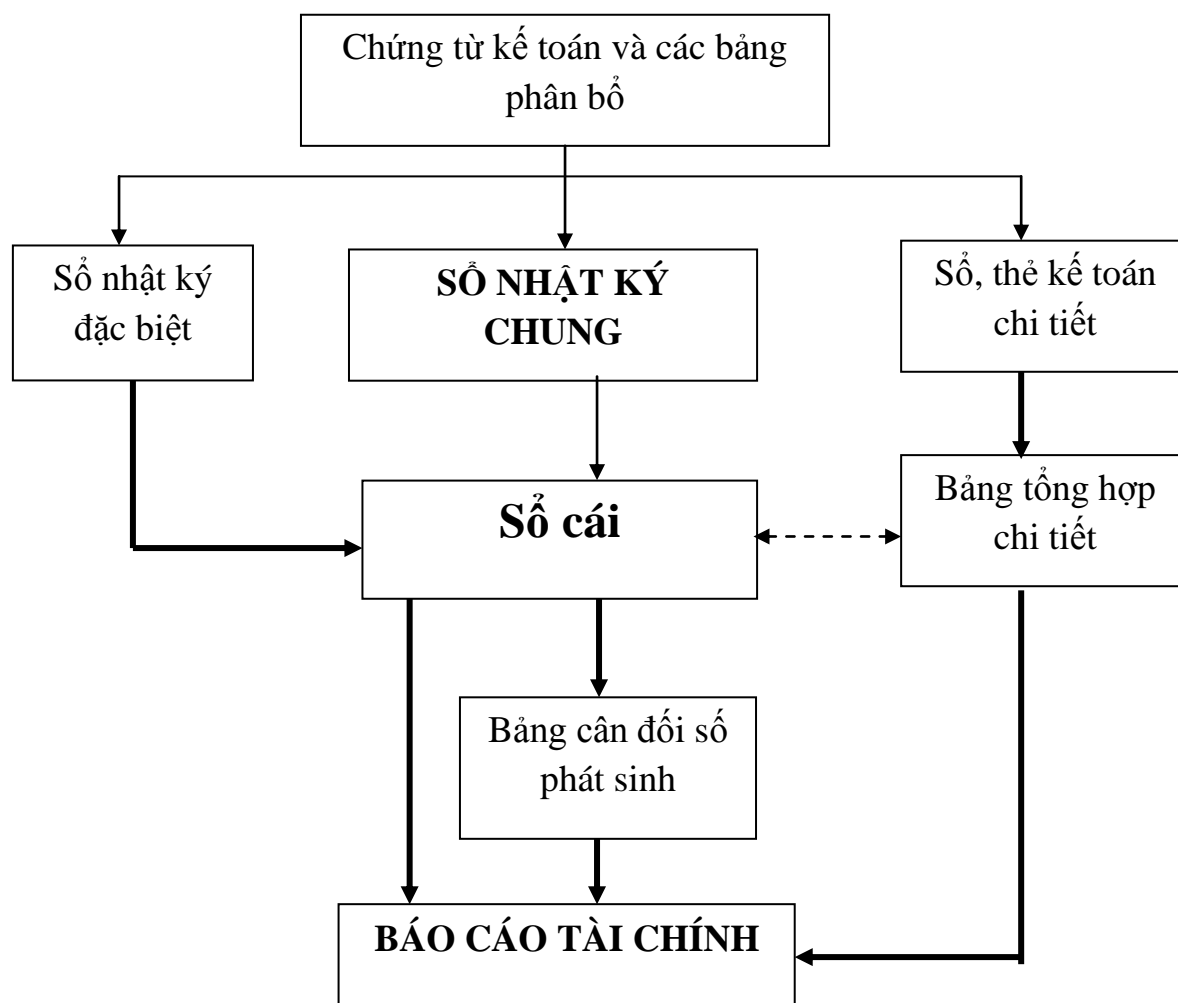
Sử dụng sổ sách tùy thuộc vào hình thức kế toán áp dụng

☞ Hình thức Nhật kí chung.

Sổ chi tiết bao gồm: Sổ (thẻ) kho, sổ chi tiết các tài khoản,

- Sổ tổng hợp gồm: Sổ tổng hợp chi tiết, Sổ nhật ký chung, sổ cái

Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký Chung



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày.
- : Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ : Đối chiếu, kiểm tra.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SX VÀ KD MÚT XÓP VIỆT THẮNG.

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH SX và KD mút xốp Việt Thắng

Tên tiếng Việt: Công ty TNHH Sản xuất & Kinh Doanh Mút xốp Việt Thắng

Tên tiếng Anh: Viet Thang Manufacturing and Trading Foam Company Limited

Tên giao dịch: Viet Thang Foam Co., LT

Trụ sở chính: Số 80 Quang Trung, Phường Phan Bội Châu, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200727018

Điện thoại: 031.3838713 Fax: 031.3520308

Email: vietthangpu@vnn.vn Website: <http://www.vietthangpu.vn>

Địa chỉ nhà máy sản xuất:

Tên: Công ty TNHH Sản Xuất & Kinh Doanh Mút xốp Việt Thắng.

**Địa chỉ: Tổ 3 xã Lê Lợi, Thị Trấn An Dương, huyện An Dương, TP. Hải
Phòng.**

Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Mút xốp Việt Thắng đăng ký giấy
phép kinh doanh số 0202004475, do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Phòng cấp
ngày ngày 12 tháng 1 năm 2007. Công ty có tư cách pháp nhân và có mở tài
khoản tại ngân hàng Vietcombank Hải phòng với tài khoản số 0031000692191.

Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng tiền thân là
một xưởng sản xuất mút và gia công đồ gỗ với quy mô rất nhỏ, chỉ là hộ kinh
doanh cá thể thành lập năm 1995. Trong những ngày đầu thành lập, tài sản của
xưởng ban đầu rất đơn sơ, chỉ với 02 dây chuyền may cùng số lượng công nhân
viên là 20 người.

Sau 5 năm khi đi vào hoạt động, xưởng đã có được nhiều khách quen thuộc và chiếm được chỗ đứng của mình trên thị trường. Để mở rộng quy mô sản xuất, năm 1995 xưởng mở rộng thêm 02 dây chuyền may nâng tổng số lên 04 dây chuyền cùng với số lượng công nhân viên lên đến 80 người. Cùng năm đó, thành lập xưởng mút Trường Thành chuyên sản xuất mút cho ngành nội thất và cho thể thao.

Năm 2000 bước sang thế kỷ mới, cùng với sự đổi mới nhanh chóng của đất nước và sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế thị trường làm cho nhu cầu của người tiêu dùng được nâng lên, nhằm đáp ứng được nhu cầu đó xưởng đã thành lập doanh nghiệp tư nhân mút xốp Việt Thắng chuyên sản xuất mút và các loại đệm lò xo cao cấp. Số lượng công nhân viên cũng đã tăng lên gấp 2,7 lần so với năm 1995 thành 250 người.

Tháng 2 năm 2007, doanh nghiệp tư nhân mút xốp Việt Thắng đã chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng và đăng ký thêm một số ngành kinh doanh khác.

Để tạo sự đa dạng và phát triển vị thế của mình trên thị trường đến nay công ty tiếp tục mở rộng và thêm 06 chuyền may nữa, hiện tại công ty gồm có 10 dây chuyền may với số lượng công nhân viên toàn nhà máy xấp xỉ 500 người, tạo công ăn việc làm ổn định cho nhiều người lao động. Sau 15 năm khi đi vào hoạt động, công ty TNHH SX&KD mút xốp Việt Thắng đã tìm kiếm được thị trường tiềm năng và ký kết những hợp đồng với giá trị lớn của các khách hàng trong và ngoài nước.

Thế mạnh của công ty là có đội ngũ công nhân lành nghề, chuyên gia giàu kinh nghiệm, được tu nghiệp tại: Đức, Hàn, Nhật, Trung Quốc, cùng với đội ngũ quản lý giỏi về chuyên môn, tinh thông về nghiệp vụ cùng với sự nhiệt tình năng động. Kết hợp với máy móc thiết bị và công nghệ tiên tiến nguyên liệu cao cấp nhập khẩu từ Đức, Nhật, Hàn, Mỹ. Công ty đã sản xuất và cung ứng ra thị trường những sản phẩm chất lượng cao, phong phú về chủng loại, đa dạng về kiểu dáng, màu sắc và hoa văn. Nhà máy được xây dựng tại vị trí thuận lợi nơi

có nguồn lao động đông đảo, nguyên vật liệu đầu vào đạt chất lượng với giá cả hợp lý, giao thông thuận lợi góp phần không nhỏ trong việc tiết kiệm chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Trong quan hệ tín dụng với ngân hàng và nhiều đối tác khác thì công ty luôn là một khách hàng uy tín, luôn tạo cho đối tác có cảm giác an toàn khi ký hợp đồng với công ty.

Nhận thức được công dụng của sản phẩm là để nâng niu giấc ngủ của mọi người, đảm bảo sức khỏe cho cả gia đình, làm tăng thêm vẻ sang trọng cho mỗi căn phòng Công ty đã không ngừng cải tiến nhằm thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Với hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 do tổ chức quản lý chất lượng quốc tế có trụ sở tại Gionevio – Thụy Sĩ uỷ quyền cho bộ khoa học công nghệ cấp chứng nhận và độc quyền thương hiệu do cục sở hữu trí tuệ cấp.

Bên cạnh những thuận lợi đó công ty cũng gặp không ít những khó khăn. Công ty sản xuất mặt hàng mút xốp, đệm mút, đệm lò xo là những mặt hàng có nhu cầu cao của người tiêu dùng nên có nhiều đối thủ cạnh tranh cả trong và ngoài nước là điều không tránh khỏi. Nhất là đối với những sản phẩm đã có thương hiệu nổi tiếng nhiều năm như: Kim Đan ở trong nước và các hãng của Hàn quốc đã được ưa chuộng rất nhiều như : Everon, Sense...Không những vậy, hàng hoá của công ty lại xuất sang thị trường rất khó tính đòi hỏi yêu cầu cao về chất lượng và phải qua qui trình kiểm tra nghiêm ngặt. Đồng thời doanh nghiệp cũng ở trong tình trạng chung của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là qui mô sản xuất nhỏ, chịu cước phí của các dịch vụ có giá cao, năng lực tài chính còn chưa đủ mạnh. Thêm vào đó hệ thống pháp luật, chính sách chế độ quản lý còn nhiều bất cập, đặc biệt các cơ quan quản lý còn chưa quan tâm đúng mức đến việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn giúp cho các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh về cơ chế vốn và thị trường. Đặc biệt trong vài năm gần đây, chịu sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Trong thực tế Công ty TNHH SX & KD Mút xốp Việt Thắng đã cố gắng phát huy được những thuận lợi và khắc phục khó khăn để thực hiện các mục tiêu đề ra. Công ty xác định nhiệm vụ mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Khẳng định chỗ đứng trên thị trường truyền thống đồng thời mở rộng thị trường sang các nước có nhu cầu về sản phẩm. Không ngừng cải tiến công nghệ, cải tiến quản lý, tăng năng suất đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận.

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

2.1.2.1 Ngành nghề kinh doanh.

❖ Các ngành kinh doanh chính của công ty theo đăng ký kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan.	15
2.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác: mút, xốp	31009
3.	Bán buôn vải.	46411
4.	Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác.	46412
5.	Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng giả da khác.	46491
6.	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế, và đồ dùng nội thất tương tự.	46496
7.	Bán buôn hoá chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).	46692
8.	Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: - Vật tư, phụ liệu ngành mút xốp.	46699
9.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).	4931
10.	Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.	49321
11.	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.	4933
12.	Vận tải đường thủy.	50
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.	52219
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.	5222

➤ Danh mục sản phẩm chính :

- Bộ chăn – ga – gối – đệm
- Đệm bông ép : Vikomat ,Đệm bông gấp đôi đủ màu
- Đệm lò xo : Max, Milan, Lò xo Vimat, La Bed, Hankang
- Đệm mút : Mút Smi, Mút Hawill, Mút Dremlan, Mút vỏ thun
- Đệm gấp
- Các sản phẩm khác.

2.1.2.2 Qui trình sản xuất tại công ty.

a) Qui trình sản xuất mút.

Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất mút:

STT	Công đoạn	Tài liệu hướng dẫn / hồ sơ ghi chép	Trách nhiệm thông qua sản phẩm
1	Chuẩn bị nguyên vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Quy định kiểm tra nguyên vật liệu ▪ Sổ theo dõi xuất nhập tồn ▪ Thẻ kho 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhân viên quản lý vật tư
2	Đổ mút	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hướng dẫn đổ mút thủ công ▪ Hướng dẫn đổ mút dàn ▪ Phiếu theo dõi thiết bị sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổ trưởng sản xuất
3	KCS	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hướng dẫn vận hành máy đổ mút ▪ Phiếu theo dõi thiết bị sản xuất ▪ Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổ trưởng sản xuất
4	Cắt mút	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hướng dẫn cắt mút ▪ Hướng dẫn vận hành máy cắt mút ▪ Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổ trưởng sản xuất
5	KCS	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hướng dẫn kiểm tra cắt mút / Kiểm soát SP không phù hợp ▪ Hướng dẫn vận hành máy cắt mút ▪ Tem KCS 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổ trưởng sản xuất
6	Đóng gói	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hướng dẫn đóng gói ▪ Nhật ký sản xuất ▪ Giấy bảo hành 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổ trưởng sản xuất

b) Quy trình sản đệm lò xo.

Sơ đồ 2.2: Quy trình sản xuất đệm lò xo

STT	Công đoạn	Tài liệu hướng dẫn / hồ sơ ghi chép	Trách nhiệm thông qua sản phẩm
1	Chuẩn bị nguyên vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> Sổ theo dõi tồn kho nguyên vật liệu, bán thành phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên quản lý vật tư
2	Làm lò xo, làm khung, bắn ghim	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn đan lò xo / làm khung Quy định vận hành máy Phiếu theo dõi thiết bị sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên KCS
3	KCS	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn đan lò xo / làm khung QT kiểm soát sản phẩm không phù hợp Nhật ký sản xuất / Phiếu KCS 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
4	Trần vải	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn chần vải Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
5	May	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn may mặt đệm lò xo Hướng dẫn may viền đệm Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
7	KCS	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn may mặt đệm lò xo Hướng dẫn may viền đệm QT kiểm soát sản phẩm không phù hợp Nhật ký sản xuất / Phiếu KCS 	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên KCS
6	Đóng gói	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn bọc đệm Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ trưởng sản xuất
7	KCS	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn bọc đệm QT kiểm soát sản phẩm không phù hợp Nhật ký sản xuất / Phiếu KCS 	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên KCS

c) Quy trình sản xuất đệm mút.

Sơ đồ 2.3: Quy trình sản xuất đệm mút

STT	Công đoạn	Tài liệu hướng dẫn / hồ sơ ghi chép	Trách nhiệm thông qua sản phẩm
1	Chuẩn bị NVL	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Sổ theo dõi tồn kho nguyên vật liệu, bán thành phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhân viên quản lý kho
2	Cắt mút	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hướng dẫn cắt mút ▪ Hướng dẫn vận hành máy cắt mút ▪ Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổ trưởng sản xuất
4	Trần vải	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hướng dẫn chần vải ▪ Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổ trưởng sản xuất
5	May	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hướng dẫn may mặt đệm ▪ Nhật ký sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổ trưởng sản xuất
7	Đóng gói	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hướng dẫn đóng gói ▪ Nhật ký sản xuất ▪ Giấy bảo hành 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tổ trưởng sản xuất
6	KCS	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hướng dẫn may viền đệm ▪ Hướng dẫn bọc đệm ▪ QT kiểm soát sản phẩm không phù hợp ▪ Nhật ký sản xuất / Phiếu KCS 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhân viên KCS

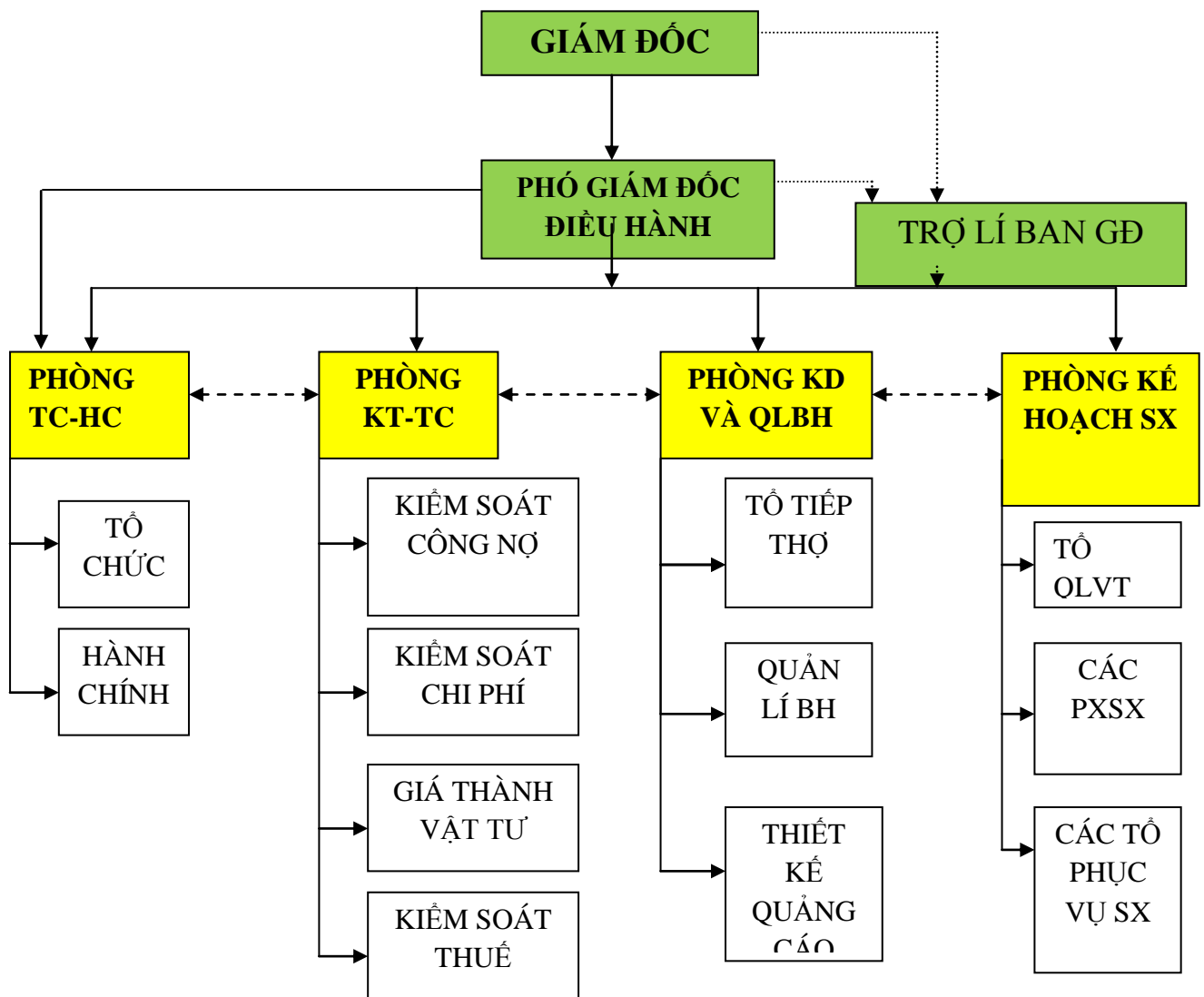
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

Để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của công ty và phù hợp với cơ chế kinh doanh hiện nay, công ty tổ chức bộ máy theo mô hình trực tuyến chức năng gồm có: giám đốc, các phòng ban chức năng hoạt động một cách linh hoạt trong nền

kinh tế thị trường. Cơ cấu tổ chức là một hệ thống bao gồm nhiều bộ phận có liên quan chặt chẽ với nhau. Mỗi bộ phận có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn riêng song đều hướng tới mục tiêu chung của tổ chức.

Sơ đồ 2.4 : Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xộp Việt Thắng



Ghi chú:

—————> thể hiện mối quan hệ chức năng.

◄-----> mối quan hệ phối hợp.

* Trong công ty được chia thành 4 phòng chức năng cơ bản. Phòng TC - HC, Phòng KT - TC, Phòng Kinh Doanh & QLBH, Phòng Kế Hoạch Sản Xuất.

2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.

❖ Ban lãnh đạo.

- Đứng đầu ban lãnh đạo là giám đốc công ty, có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động của công ty, đồng thời là người đại diện quyền lợi và nghĩa vụ của công ty trước cơ quan quản lý cấp trên và trước pháp luật.
- Giúp việc cho giám đốc là trợ lý ban giám đốc và phó giám đốc điều hành một số lĩnh vực của công ty theo sự phân công của Tổng giám đốc đồng thời là cán bộ tham mưu cao nhất cho tổng giám đốc trong lĩnh vực xây dựng kế hoạch chiến lược sản xuất kinh doanh.

❖ Phòng TC – HC

- Là phòng tham mưu cho giám đốc về lĩnh vực tổ chức lao động khoa học, quản lý đội ngũ cán bộ công nhân viên trong công ty, đào tạo cán bộ quản lý và sử dụng có hiệu quả quản lý quỹ tiền lương trên cơ sở quy chế đã ban hành. Bên cạnh đó, phòng còn có nhiệm vụ tổ chức lực lượng đảm bảo an toàn cho công ty với cơ quan công an trong công tác bảo vệ sự an toàn.

❖ Phòng KT – TC

- Có đầy đủ chức năng nhiệm vụ như luật định, điều lệ, kế toán của nhà nước quy định, giám sát kiểm tra hoạt động kinh tế của công ty đảm bảo cân đối tài chính phục vụ cho công tác quản lý kinh doanh. Phòng có kế hoạch thu chi cho từng kỳ, ghi chép đầy đủ và phản ánh một cách chính xác kịp thời liên tục có hệ thống về tình hình luân chuyển của vật tư, tiền vốn thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện tốt chế độ hạch toán kế toán nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, lập và thực hiện kế hoạch tài chính.

❖ **Phòng KD & QLBH**

- Có nhiệm vụ tiếp cận và mở rộng thị trường cho Công ty, tìm kiếm khách hàng, thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, quản lý các cửa hàng giới thiệu sản phẩm và các đại lý của Công ty.

❖ **Phòng kế hoạch sản xuất**

- Có nhiệm vụ lập kế hoạch và triển khai kỹ thuật sản xuất tới các nhà máy và xây dựng mục tiêu phát triển của Công ty.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

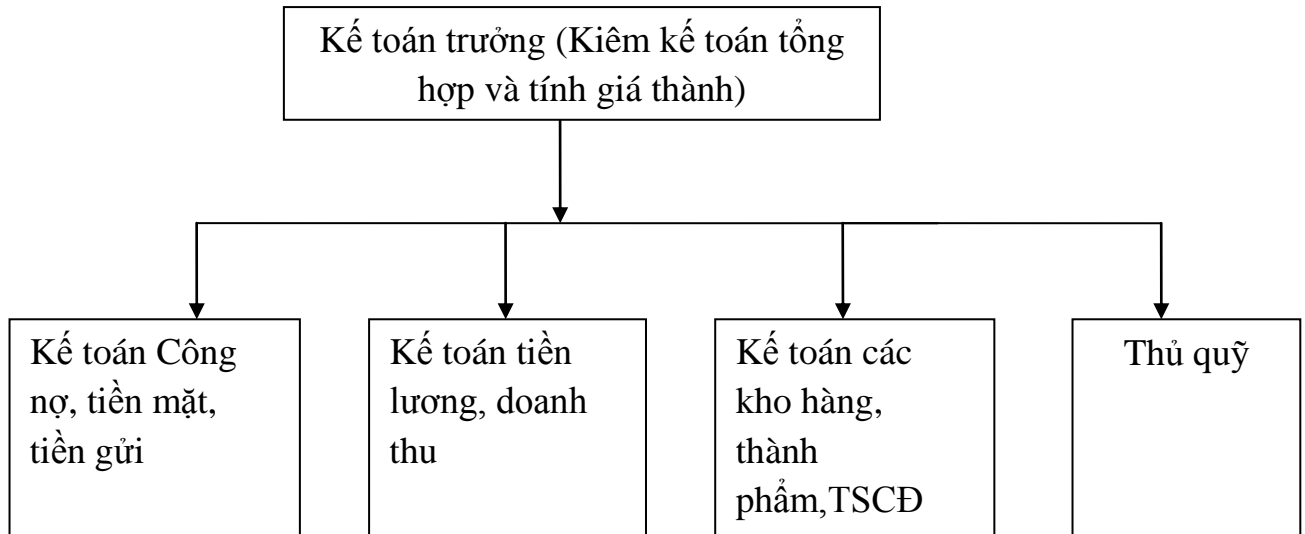
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

Để phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và quản lý, phù hợp với chức năng và trình độ của nhân viên kế toán, đồng thời xây dựng bộ máy kế toán giảm nhưng đầy đủ về số lượng nhằm làm cho bộ máy kế toán là một tổ chức thực hiện tốt mọi nhiệm vụ công tác kế toán doanh nghiệp, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập chung. Theo phương pháp này, toàn bộ công tác kế toán đều tiến hành tại phòng kế toán, dưới sự kiểm tra trực tiếp của kế toán trưởng.

Bộ máy kế toán kế toán của công ty gồm 05 người, mỗi người đảm nhận các nhiệm vụ khác nhau. Mỗi nhân viên kế toán chịu trách nhiệm theo dõi ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến phần hành của mình. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp sẽ tập hợp các chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Cơ cấu bộ máy kế toán của doanh nghiệp.

Sơ đồ 2.5 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp



Chức năng, nhiệm vụ của phòng kế toán

➤ ***Kế toán trưởng (kiêm kế toán tổng hợp và tính giá thành sản phẩm):***

- Là người lãnh đạo cao nhất trong phòng kế toán, có quyền kiểm tra tính đúng đắn của các chứng từ kế toán trước khi tổng giám đốc duyệt.
- Giúp tổng giám đốc chỉ đạo toàn bộ công tác tài chính, kế toán thống kê, thông tin kinh tế trong toàn công ty.
- Thiết lập tổ chức quản lý bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của toàn công ty
- Chịu trách nhiệm kiểm tra số liệu do kế toán viên ghi chép. Thu thập xử lý ghi chép và cung cấp thông tin tổng quát về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.
- Chịu trách nhiệm ghi chép theo dõi tập hợp chi phí giá thành sản phẩm, theo dõi nguồn vốn, các loại thuế.
- Tổ chức bảo quản các dữ liệu tài liệu kế toán, giữ bí mật tài liệu sổ sách kế toán
- Lập báo cáo quyết toán tài chính trình lên tổng giám đốc

➤ **Kế toán công nợ và tiền:**

- Là người phụ trách theo dõi các khoản nợ phải thu, phải trả, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.
- Kết hợp chặt chẽ cùng phòng kinh doanh theo dõi đơn đốc thu hồi công nợ khách hàng kịp thời.
- Mở sổ theo dõi chi tiết cho từng Ngân hàng bao gồm tài khoản tiền gửi, tài khoản tiền vay theo hướng dẫn của kế toán trưởng.

➤ **Kế toán tiền lương, doanh thu**

- Hàng tháng tính ra tiền lương, tiền thưởng và lập bảng thanh toán tiền lương trên cơ sở danh sách công nhân viên và bậc lương của công ty, trích lập BHXH, BHYT, KPCĐ theo đúng quy định.

➤ **Kế toán các kho hàng, thành phẩm và TSCĐ**

- Mở sổ sách theo dõi chi tiết NVL, TSCĐ, thành phẩm của từng kho hàng.
- Ghi chép sổ sách và cập nhật thường xuyên chứng từ hàng ngày phản ánh các nghiệp vụ phát sinh một cách kịp thời.
- Thường xuyên kiểm kê kho hàng và tài sản đối chiếu số liệu trên sổ sách với số liệu thực tế để có biện pháp xử lý kịp thời với các bộ phận liên quan.

➤ **Thủ quỹ**

- Là người phụ trách việc thu chi và quản lý quỹ tại công ty.
- Phải tuyệt đối đảm bảo nguyên tắc thu, chi tiền trong kết quỹ theo chế độ hiện hành, đảm bảo tính cân đối giữa tiền tồn trong kết với số dư trên sổ sách có liên quan.
- Thực hiện thu, chi tiền mặt theo các chứng từ hợp lệ, kiểm tra các chứng từ hợp lệ để ghi sổ quỹ hàng ngày và thường xuyên đối chiếu số dư kế toán tiền mặt.
- Cuối tháng lập biên bản kiểm kê quỹ đối chiếu giữa số tồn quỹ thực tế và tồn quỹ trên sổ sách kế toán. Nếu phát hiện ra sai sót phải báo ngay cho lãnh đạo giải quyết.

2.1.4.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xộp Việt Thắng.

- + Chế độ kế toán Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xộp Việt Thắng áp dụng là chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006 – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- + Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.
 - + Đơn vị tiền tệ sử dụng: đồng Việt Nam, đơn vị tính: đồng
 - + Nguyên tắc và phương pháp quy đổi các đồng tiền khác: Theo tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam
 - + Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
 - Phương pháp hạch toán Tài sản cố định:
 - + Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: theo nguyên giá gốc.
 - + Khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao theo đường thẳng
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- + Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân liên hoàn
- + Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ.
 - Cuối năm kế toán tập hợp số liệu từ sổ cái và lập báo cáo tài chính.

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xộp Việt Thắng.

➤ Hệ thống chứng từ được sử dụng trong công ty

Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế Tài chính phát sinh hoàn thành. Hệ thống chứng từ của công ty được áp dụng đúng theo QĐ số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính ban hành, đồng thời sử dụng các chứng từ đặc trưng riêng để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Bao gồm:

- + Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 – TT)
- + Phiếu xuất kho (Mẫu số 01 – TT)
- + Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (MS 08-VT).
- + Hoá đơn GTGT

Ngoài ra các doanh nghiệp còn sử dụng các chứng từ liên quan khác căn cứ vào tình hình thực tế tại doanh nghiệp.

- Thông thường trong nghiệp vụ thu mua và nhập kho nguyên vật liệu thì phải dựa vào hoá đơn giá trị gia tăng (hoặc hoá đơn bán hàng, hoá đơn kiêm phiếu xuất kho) của bên bán và phiếu nhập kho của đơn vị.

- Hoá đơn giá trị gia tăng do bên bán lập ghi rõ số lượng hàng, từng loại hàng hoá, đơn giá và số tiền mà doanh nghiệp phải trả. Trường hợp không có hoá đơn thì bộ phận mua hàng phải lập phiếu mua hàng có đầy đủ chữ ký của những người liên quan làm căn cứ cho nghiệp vụ mua hàng và thanh toán tiền hàng.

- Phiếu nhập kho do bộ phận mua hàng lập trên cơ sở hoá đơn của người bán hay phiếu mua hàng. Thủ kho thực hiện nhập kho và ghi số thực nhập vào phiếu nhập kho.

Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất, tồn kho NVL kế toán phải kiểm tra và phản ánh tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ NVL ở từng kho vào các sổ (thẻ) kế toán chi tiết cần thiết cả về mặt số lượng và giá trị. Sau đó tổng hợp và tính toán giá trị NVL xuất kho theo từng đối tượng sử dụng, mục đích sử dụng để lập định khoản và phản ánh vào các tài khoản có liên quan.

➤ ***Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng trong công ty***

Tài khoản kế toán dùng để phân loại, hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế, Tài chính theo nội dung kinh tế.

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán hiện hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC. Tùy theo hoạt động của từng ban, công ty áp dụng các tài khoản cấp 2, cấp 3 để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng ban.

2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

❖ **Hệ thống sổ kế toán**

• Hệ thống sổ kế toán:

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Trên cơ sở chứng từ kế toán hợp lý, hợp pháp, sổ kế toán NVL phục vụ cho việc thanh toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến NVL Hiện nay doanh nghiệp đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật Ký Chung” bao gồm các loại sổ kế toán sau:

- Sổ, thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu
- Sổ tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái

• Hệ thống báo cáo:

Báo cáo bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B0-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DN)

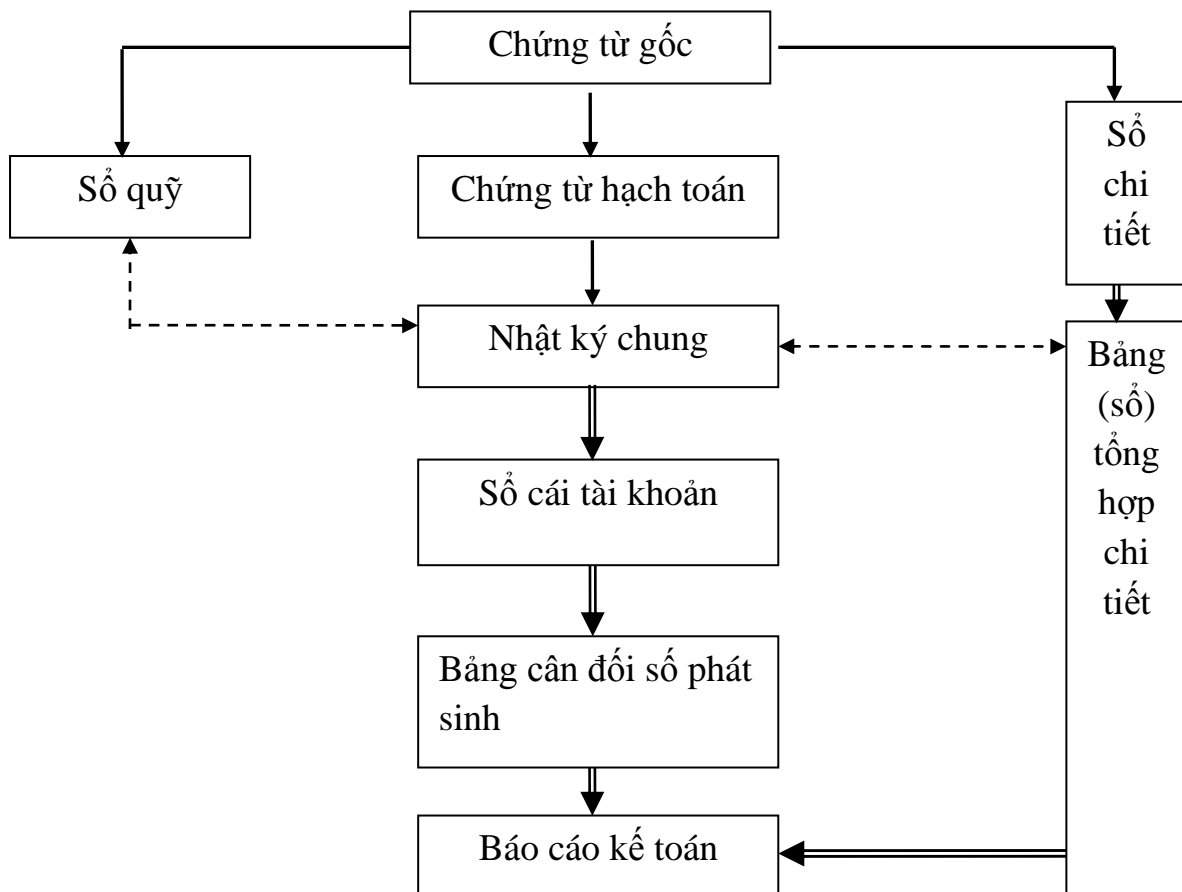
Nơi nộp báo cáo: cơ quan thuế.

❖ **Hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty**

Để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động kinh doanh và thuận tiện cho công tác quản lý Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để hạch toán. Hình thức kế toán này kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian với hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Sơ đồ 2.6 Mô hình tổ chức hạch toán sổ kế toán

theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ hạch toán định khoản cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ chứng từ hạch toán kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ chi tiết tài khoản.
- Từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái của các tài khoản liên quan.
- Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết các tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Kế toán đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra sự chính xác của số liệu, sau đó dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.
- Cuối kỳ căn cứ vào BCĐSPS, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính. BCTC gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Sau đó kế toán phải phân tích các báo cáo kế toán, phân tích các chỉ tiêu kinh tế để giúp ban lãnh đạo quản lý doanh nghiệp tốt hơn.

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

2.2.1 Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu

2.2.1.1 Đặc điểm nguyên vật liệu

Đặc điểm sản phẩm của Công ty sản xuất chủ yếu là hàng gia dụng, sản phẩm của công ty tương đối nhiều về số lượng và đa dạng về chủng loại nên vật liệu dùng để sản xuất cũng đa dạng nhưng nguyên vật liệu chủ yếu là hóa chất, sắt thép và mút, lõi xốp các loại.

Do tính chất của nguyên vật liệu có sự khác nhau nên đã đặt ra cho công ty những yêu cầu cấp thiết trong công tác quản lý, hạch toán các quá trình thu mua, vận chuyển, bảo quản dự trữ và sử dụng vật liệu. Từ đó công ty phải trang bị đầy đủ hệ thống kho chứa hàng và được sắp xếp hợp lý để vừa bảo vệ tốt được nguyên vật liệu vừa thuận tiện cho việc nhập - xuất nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm.

Đối với những nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn và có tính chất quyết định đến tình hình sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm, Công ty thường có những hợp đồng ký kết với các nhà cung cấp để đảm bảo cung cấp đủ nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm, giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu

Do Công ty sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm, chúng khác nhau về công dụng về phẩm cấp chất lượng. Vì vậy, để quản lý chặt chẽ và có hiệu quả, cần thiết phải tiến hành phân loại vật liệu. Căn cứ vào vai trò và tác dụng của vật liệu trong sản xuất, từ đó xếp chúng vào mỗi loại, nhóm tương đương phù hợp.

Nguyên vật liệu của Công ty được chia thành:

+ Nguyên vật liệu chính: hóa chất, vải, thép...

- NVL chính loại 1: các loại hóa chất

- Loại 1A : hóa chất POP
- Loại 1B : hóa chất TDI
- Loại 1C : hóa chất PPG

- NVL chính loại 2: vải, da, thép

- Loại 2A : vải may ga
- Loại 2B : da may đệm ghế
- Loại 2C : thép

+ Vật liệu phụ: thảm, bông ép, chất phụ gia...

- NVL phụ loại 1: bông ép, méch, viền may
- NVL phụ loại 2 : chỉ, phân may, khóa
- NVL phụ loại 3: chất phụ gia

2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

2.2.2.1 Thủ tục nhập-xuất nguyên vật liệu

❖ **Trình tự nhập kho:**

Việc nhập kho nguyên vật liệu chủ yếu thực hiện trực tiếp bởi phòng kế hoạch. Khối lượng, chất lượng và chủng loại vật tư mua về phải căn cứ vào kế hoạch sản xuất mức tiêu hao NVL và sự biến đổi giá cả trên thị trường. Phòng kế hoạch lập kế hoạch mua vật tư trình lên giám đốc công ty, sau khi được giám đốc phê duyệt mới tiến hành làm đơn đặt hàng gửi đến nhà cung cấp. Kế hoạch

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

mua vật liệu được lập theo tháng. Vật liệu mua về phải có hóa đơn GTGT và giấy báo nhận hàng.

Căn cứ vào số liệu thực tế và hóa đơn GTGT hoặc giấy báo nhận hàng, phiếu nhập kho vật tư được kế toán lập thành 3 liên:

- Liên 1: lưu tại cuống
- Liên 2: phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ
- Liên 3: thủ kho giữ để vào thẻ kho

Trường hợp vật tư không đúng quy cách phẩm chất thì phải thông báo ngay cho phòng kế hoạch cùng bộ phận kế toán lập biên bản xử lý (có xác nhận của người giao hàng). Thông thường bên bán giao ngay tại kho nên sau khi kiểm tra chỉ nhập kho số nguyên vật liệu đúng phẩm cấp đã ký kết lúc mua, số còn lại không đủ tiêu chuẩn thì trả lại cho người bán.

Trình tự nhập kho nguyên vật liệu:

Đối với nguyên vật liệu nhập lại kho từ các phân xưởng do xuất thừa, thủ kho cũng viết phiếu nhập kho 03 liên như đối với việc nhập kho nguyên vật liệu.

* Cách tính giá NVL nhập kho:

Giá thực tế NVL nhập kho = Giá ghi trên HD + chi phí vận chuyển – Các khoản giảm trừ
bốc xếp

Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Nếu chi phí vận chuyển bốc xếp do bên bán chịu thì giá thực tế nhập kho chính là giá mua ghi trên hóa đơn.

Ví dụ 1: Ngày 02/12/2010 công ty mua 600kg hóa chất TDI của công ty TNHH hóa chất Petrolimex nhập kho, giá mua ghi trên hoá đơn là 35.000 đồng/kg, thuế GTGT 10%. Công ty chưa thanh toán tiền hàng.

Giá thực tế của NVL nhập kho là:

$$600 \times 35.000 = 21.000.000$$

Ví dụ 2: Ngày 06/12 công ty mua 370kg hóa chất POP của công ty Phú Minh nhập kho, giá mua ghi trên hóa đơn là 35.500đ/kg, thuế GTGT 10%. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là:

$$370 \times 35.500 = 13.135.000$$

❖ **Trình tự xuất kho nguyên vật liệu.**

Nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu xuất dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh. Khi đơn vị sản xuất có nhu cầu sử dụng vật tư sẽ đề xuất lên giám đốc phê duyệt sau đó chuyển xuống để phòng kế toán viết lệnh xuất kho, phòng kế toán lập phiếu xuất kho thành 03 liên:

- Liên 1: Lưu tại cuống
- Liên 2: chuyển cho kho
- Liên 3: Lưu tại phòng kế toán

Phân xưởng xin lĩnh vật tư mang đến các bộ phận có liên quan (giám đốc, kế toán trưởng...) ký nhận, sau đó mang xuống kho để nhận vật tư. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để xuất kho NVL và ghi vào thẻ kho. Thủ kho và người nhận phải ký xác nhận số NVL xuất dùng.

* Cách tính giá NVL xuất kho

Do NVL chính trong công ty không nhiều chủng loại và giá cả cũng tương đối ổn định nên kế toán đã áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn để tính giá NVL xuất kho. NVL xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Trị giá của hàng tồn sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá vật liệu xuất dùng} = \text{Đơn giá bình quân} \times \text{Số lượng từng loại vật liệu xuất kho}$$

Ví dụ 3: Tình hình tồn đầu kỳ và nhập kho trong kỳ của hóa chất TDI

- Tồn đầu kỳ: 9800 kg, đơn giá : 35.300

- Số lượng nhập trong kỳ như sau:

- Ngày 02/12/2010 công ty nhập kho 600kg hóa chất TDI, đơn giá 35.000

- Ngày 05/12/2010 công ty nhập kho 500kg hóa chất TDI, đơn giá 34.600

Ngày 10/12/2010 xuất kho 470kg hóa chất TDI theo phiếu xuất kho số 20/12

Giá xuất kho của 470kg hóa chất được tính như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{9800\text{kg} \times 35.300 + 600\text{kg} \times 35.000 + 500\text{kg} \times 34.600}{9800\text{kg} + 1100\text{kg}}$$
$$= 35.251 \text{ đ/kg}$$

$$\text{Giá xuất 470kg} = 470 \times 35.251 = 16.567.970 \text{ đ}$$

Ví dụ 4: Tình hình nhập, xuất hóa chất POP trong tháng 12/2010 như sau:

- Tồn đầu kỳ: 0

- Tình hình tăng, giảm trong kỳ:

Ngày 06/12/2010 công ty nhập kho 370 kg, đơn giá 35.500đ/kg

Ngày 08/12/2010 công ty nhập kho 230 kg, đơn giá 36.200đ/kg

Ngày 14/12/2010 xuất kho 420Kg hóa chất POP cho phân xưởng sản xuất.

- Giá trị thực tế NVL xuất kho là:

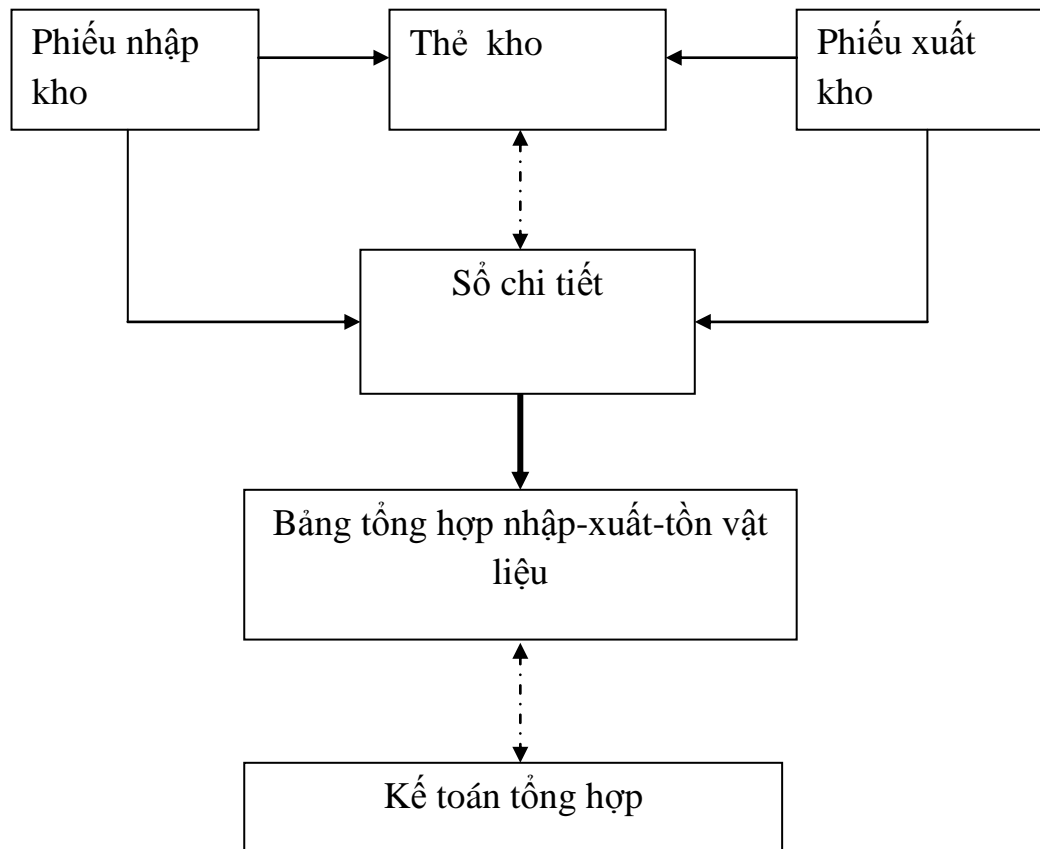
$$\frac{(370 \times 35.500) + (230 \times 36.200)}{370 + 230} \times 420 = 15.022.700 \text{ đ}$$

2.2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty

Nguyên vật liệu trong Công ty có nhiều chủng loại khác nhau, vì vậy hạch toán nguyên vật liệu phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của nguyên vật liệu. Hạch toán chi tiết được tiến hành song song với hạch toán tổng hợp nhằm quản lý chặt chẽ hơn tình hình biến động tài sản của doanh nghiệp.

Kế toán thực hiện hình thức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đó là hình thức “*Thẻ song song*”

Sơ đồ 2.7 Quá trình hạch toán theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

—————> : Ghi Hàng ngày

—————> : Ghi cuối tháng

←-----> : Đối chiếu

Do đó việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được tiến hành đồng thời tại 2 bộ phận: kế toán và ở kho.

- *Tại kho:*

Thủ kho theo dõi số lượng nhập xuất trên thẻ kho đồng thời nắm vững ở bất kỳ thời điểm nào trong kho về số lượng, chất lượng, chủng loại, từng thứ, loại nguyên vật liệu sẵn sàng sản xuất khi có yêu cầu. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập, xuất phát sinh thủ kho tiến hành phân loại, sắp xếp cho từng thứ, từng loại vật tư để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn của từng loại vật liệu vào

sổ kho chi tiết từng loại theo số lượng. Cuối ngày hoặc sau mỗi lần nhập, xuất kho thủ kho phải tính toán và đối chiếu số lượng vật liệu tồn kho thực tế so với số liệu trên sổ sách. Cuối tháng thủ kho tiến hành tổng hợp số nhập, xuất, tính ra số lượng tồn kho theo từng NVL và lập báo cáo nhập-xuất-tồn kho đối chiếu với các phân xưởng và chuyển toàn bộ thẻ kho về phòng kế toán.

Số lượng tồn cuối kỳ = số lượng tồn đầu kỳ + số lượng nhập kho trong kỳ - số lượng xuất kho trong kỳ.

- *Tại phòng kế toán:*

Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Hàng ngày, hoặc định kỳ khi nhận được chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ.

Cuối tháng sau khi ghi chép xong toàn bộ các nghiệp vụ nhập, xuất kho lên sổ hoặc thẻ chi tiết, kế toán tiến hành cộng và tính số tồn kho cho từng loại nguyên vật liệu. Số liệu này phải khớp với số liệu tồn kho của thủ kho trên thẻ kho tương ứng. Mọi sai sót phải được kiểm tra, phát hiện và điều chỉnh kịp thời theo thực tế.

Ví dụ: : Ngày 02/12/2010 công ty mua 600kg hóa chất TDI của công ty TNHH hóa chất Petrolimex nhập kho, giá mua ghi trên hoá đơn là 35.000 đồng/kg, thuế GTGT 10% . Công ty chưa thanh toán tiền hàng.

- Căn cứ HĐGTGT số 0040976 (Biểu số 01), kế toán lập phiếu nhập kho số 07/12 (Biểu số 5). Trước khi nhập kho công ty tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (Biểu số 03) kiểm nhận số lượng, chất lượng số nguyên vật liệu vừa mua. Khi đã kiểm tra đảm bảo cả về số lượng và chất lượng thủ kho mới lập phiếu nhập kho.

- Từ phiếu nhập kho thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 11) và lập báo cáo tồn vật liệu (Biểu số 13). Đồng thời từ phiếu nhập kho kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 14). Cuối kỳ từ sổ chi tiết nguyên vật liệu kế toán vào bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 16).

Ví dụ : Ngày 06/12 công ty mua 370kg hóa chất POP của công ty Phú Minh nhập kho , giá mua ghi trên hóa đơn là 35.500đ/kg, thuế GTGT 10%. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

- Căn cứ HDGTGT số 0005227 (Biểu số 02) kế toán lập phiếu nhập kho số 18/12 (Biểu số 6). Trước khi nhập kho công ty tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (Biểu số 04) kiểm nhận số lượng, chất lượng số nguyên vật liệu vừa mua. Khi đã kiểm tra đảm bảo cả về số lượng và chất lượng thủ kho mới lập phiếu nhập kho.

- Từ phiếu nhập kho thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 12) và lập báo cáo tồn vật liệu (Biểu số 13). Đồng thời từ phiếu nhập kho kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 15). Từ sổ chi tiết nguyên vật liệu kế toán vào bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 16).

Ví dụ: Ngày 10/12/2010 xuất kho 470kg hóa chất TDI theo phiếu xuất kho số 20/12

- Căn cứ vào lệnh xuất kho (Biểu số 7) kế toán lập phiếu xuất kho số 20/12 (Biểu số 9).

- Từ phiếu xuất kho thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 11) và lập báo cáo tồn vật liệu (Biểu số 13). Đồng thời từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 14). Từ sổ chi tiết kế toán vào bảng tổng hợp chi tiết (Biểu số 16).

Ví dụ: Ngày 14/12/2010 xuất kho 420Kg hóa chất POP cho phân xưởng sản xuất

- Căn cứ vào lệnh xuất kho (Biểu số 8) kế toán lập phiếu xuất kho số 31/12 (Biểu số 10).

- Từ phiếu xuất kho thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 12) và lập báo cáo tồn vật liệu (Biểu số 13). Đồng thời từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 15). Từ sổ chi tiết kế toán vào bảng tổng hợp chi tiết (Biểu số 16).

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 01

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 02 tháng 12 năm 2010		Mẫu số: 01 GTKT-3LL NM/2010B 0040976			
Đơn vị bán hàng :		Công ty TNHH hóa chất Petrolimex Số 01-Khâm Thiêm-Đông Đa MST: 0101679642			
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH SX và KD mút xốp Việt Thắng					
Địa chỉ: số 80 Quang Trung Hồng Bàng Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			MST: 0200727018		
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
1	Hóa chất Toluene DiuSocyanate	kg	600	35.000	21.000.000
2					
3					
Cộng tiền hàng					21.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		2.100.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					23.100.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai mươi ba triệu một trăm ngàn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 02

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01 GTKT-3LL EV/2010B			
Liên 2: Giao khách hàng		0005227			
Ngày 06 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng :		Công ty TNHH Phú Minh Số 25-T7 K1-P.Hạ Long-MC-QN MST: 0500570463			
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH SX và KD mút xốp Việt Thắng					
Địa chỉ: số 80 Quang Trung Hồng Bàng Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			MST: 0200727018		
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
1	Hóa chất Polychlorinate Piphenyls	kg	370	35.500	13.135.000
2					
3					
Cộng tiền hàng					13.135.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		1.313.500	
Tổng cộng tiền thanh toán					14.448.500
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 03

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 02/12/2010

Số 0040976 ngày 02 tháng 12 năm 2010

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng

Theo hợp đồng số 10/KHVT ngày 02/12/2010

Ban kiểm nghiệm gồm có: Đại diện cung tiêu: Trưởng ban Nguyễn Nhật Quang

Đại diện kỹ thuật: Ủy viên Bùi Văn Anh

Đại diện phòng kế toán: Ủy viên Nguyễn thị Xuân

Thủ kho : Ủy viên Trần Thu Hà

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

STT	TÊN, NHÃN HIỆU, QUY CÁCH VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG			
			THEO CT	TT KIỂM NGHIỆM	ĐÚNG QUY CÁCH PHẨM CHẤT	KHÔNG ĐÚNG QUY CÁCH PHẨM CHẤT
1	Hóa chất Toluene DiuSocyanate	kg	600	600	600	0
2						
3						

Phương thức kiểm nghiệm: Toàn bộ

Kết luận của ban kiểm nghiệm: Đạt tiêu chuẩn

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán

(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm nghiệm

(Ký, họ tên)

Biểu số 04

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 06/12/2010

Số 0005227 ngày 06 tháng 12 năm 2010

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng

Theo hợp đồng số 15/KHVT ngày 06/12/2010

Ban kiểm nghiệm gồm: Đại diện cung tiêu : Trưởng ban Nguyễn Nhật Quang

Đại diện kỹ thuật : Ủy viên Bùi Văn Anh

Đại diện phòng kế toán : Ủy viên Nguyễn Thị Xuân

Thủ kho : Ủy viên Trần Thu Hà

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

STT	TÊN, NHÃN HIỆU, QUY CÁCH VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG			
			THEO CT	TT KIỂM NGHIỆM	ĐÚNG QUY CÁCH PHẨM CHẤT	KHÔNG ĐÚNG QUY CÁCH PHẨM CHẤT
1	Hóa chất Polychlorinate Piphenyls	kg	370	370	370	0
2						
3						

Phương thức kiểm nghiệm: Toàn bộ

Kết luận của ban kiểm nghiệm: Đạt tiêu chuẩn

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán

(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm nghiệm

(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 05

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Số: 7/12

Họ tên người giao hàng: Nguyễn Văn Anh

Theo hóa đơn số 0040976 ngày 02 tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH
hóa chất Petrolimex.

Nhập tại kho : Kho công ty

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Mã vật tư	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Hóa chất Toluene DiuSocyanate	Kg	HCTDI	600	600	35.000	21.000.000
Cộng thành tiền							21.000.000

Viết bằng chữ: **Hai mươi một triệu đồng chẵn.**

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
(Ký,họ tên) (Ký,họ tên) (Ký,họ tên) (Ký,họ tên) (Ký,họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 06

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

Số: 18/12

Họ tên người giao hàng: Trần Đức Mạnh

Theo hóa đơn số 0005227 ngày 06 tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH
Phú Minh.

Nhập tại kho : Kho công ty

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Mã vật tư	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Hóa chất Polychlorinate Piphenyls	Kg	HCPOP	370	370	35.500	13.135.000
Cộng thành tiền							13.135.000
Viết bằng chữ: Mười ba triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng chẵn.							

Ngày 06 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 07

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

LỆNH XUẤT KHO SỐ 20/12

Kính gửi giám đốc công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng

Tên tôi là: Phạm Đức Huy – Quản đốc phân xưởng sản xuất đệm mút

Yêu cầu xuất vật tư như sau:

STT	Vật tư		
	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
1	Hóa chất Toluene DiuSocyanate	kg	470
	CỘNG

Hải Phòng ngày 10 tháng 12 năm 2010

Người yêu cầu

Giám đốc duyệt

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 08

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

LỆNH XUẤT KHO SỐ 21/12

Kính gửi giám đốc công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng

Tên tôi là: Phạm Đức Huy – Quản đốc phân xưởng sản xuất đệm mút

Yêu cầu xuất vật tư như sau:

STT	Vật tư		
	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
1	Hóa chất Polychlorinate Piphenyls	kg	420
	CỘNG

Hải Phòng ngày 14 tháng 12 năm 2010

Người yêu cầu

Giám đốc duyệt

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 09

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bằng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

SỐ: 20/12

Họ tên người nhận hàng : Hoàng Văn Quang

Địa chỉ : Phân xưởng sản xuất đệm

Lý do xuất : Xuất phục vụ sản xuất đệm mút

Xuất tại kho : Kho công ty

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Mã vật tư	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Hóa chất Toluene DiuSocyanate	kg	HCTDI	470	470	35.251	16.567.970
Cộng thành tiền:							16.567.970
Bằng chữ: <i>Mười sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi đồng.</i>							

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

**Thủ trưởng
đơn vị**
(Ký, họ tên)

**Phụ trách bộ
phận sử dụng**
(Ký, họ tên)

**Phụ trách
cung tiêu**
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 10

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 14 tháng 12 năm 2010

SỐ: 31/12

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Thu Trang

Địa chỉ : Phân xưởng sản xuất đệm

Lý do xuất : Xuất sản xuất đệm mút

Xuất tại kho : Kho công ty

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Mã vật tư	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Hóa chất Polychlorinate Piphenyls	kg	HCPOP	420	420	35.768đ	15.022.700
Tổng thành tiền:							15.022.700
Bằng chữ: <i>Mười năm triệu không trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm đồng.</i>							

Ngày 14 tháng 12 năm 2010

**Thủ trưởng
đơn vị**
(Ký, họ tên)

**Phụ trách bộ
phận sử dụng**
(Ký, họ tên)

**Phụ trách
cung tiêu**
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 11

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

Thẻ kho

Tháng 12 năm 2010

Tên, nhãn hiệu quy cách : Hóa chất TDI
Tên kho : Kho Công ty
Đơn vị tính : kg
Mã số : HCTDI

STT	Chứng từ			Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
	Ngày	Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
				<i>Tháng 12 năm 2010</i>				
				<i>Tồn đầu kỳ</i>			<u>9.800</u>	
4	02/02/10	07/12		Nhập kho hc TDI	600		10.400	
							
15	10/02/10		20/12	Xuất cho PX sản xuất		470	10.880	
							
				<i>Cộng phát sinh</i>	21.500	22.800		
				<i>Tồn cuối kỳ</i>			<u>8.500</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 12

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bằng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

Thẻ kho

Tháng 12 năm 2010

Tên, nhãn hiệu quy cách : Hóa chất POP

Tên kho : Kho Công ty

Đơn vị tính : kg

Mã số : HCPOP

STT	Chứng từ			Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
	Ngày	Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
				Tháng 12 năm 2010				
				Tồn đầu kỳ			0	
1	06/12/10	18/12		Nhập kho hc POP	370		370	
							
15	14/12/10		31/12	Xuất cho PX sản xuất		420	9.520	
							
				Cộng phát sinh	14.000	11.300		
				Tồn cuối kỳ			<u>2.700</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 13

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bằng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

Báo cáo tồn vật liệu

Tháng 12 năm 2010

STT	Tên vật tư sản phẩm	ĐVT	Tồn đầu	Nhập	Xuất	Tồn cuối
1	Hóa chất POP	kg	0	14.000	11.300	2.700
2	Hóa chất PPG	kg	5.300	22.800	19.000	9.100
3	Hóa chất TDI	kg	9.800	21.500	22.800	8.500
4	Méch	kg	32.000	12.000	30.600	13.400
5	Chỉ	Cuộn	0	347	268	79
6	Vải hoa bọc đệm	m	5.798	41.800	41.162	6.436
....					

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 14

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 15211B

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: hóa chất TDI

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày tháng				SL	TT	SL	TT	SL	TT
A	B	C	D	1	2	3=1×2	4	5=1×4	6	7=1×6
		Số dư đầu kỳ:		35.300					9.800	345.940.000
		Số phát sinh:								
									
PN07/12	02/12	Mua hóa chất nhập kho	331	35.000	600	21.000.000			10.400	319.542.000
PN10/12	05/12	Mua hóa chất nhập kho	331	34.600	500	17.300.000			10.900	336.842.000
PX11/12	06/12	Xuất kho hóa chất	621	35.251			2.300	81.077.300	8.600	255.764.700
PX20/12	10/12	Xuất kho hóa chất	621	35.251			470	16.567.970	8.130	239.196.730
PN22/12	15/12	Nhập kho hóa chất	331	35.450	3000	106.350.000			11.130	345.546.730
									
		Tổng cộng:	×	×	21.500	748.200.000	22.800	803.677.200		
		Số dư cuối kỳ:							8.500	290.462.800

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 15

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang Trung Hồng Bàng HP

Mẫu số 01- TT

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHỈ TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 15211A

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: hóa chất POP

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày tháng				SL	TT	SL	TT	SL	TT
A	B	C	D	1	2	3=1×2	4	5=1×4	6	7=1×6
		Số dư đầu kỳ:							0	
		Số phát sinh:								
PN18/12	06/12	Mua hóa chất nhập kho	111	35.500	370	13.135.000			370	13.135.000
PN24/12	08/12	Mua hóa chất nhập kho	331	36.200	230	8.326.000			600	21.461.000
PX31/12	14/12	Xuất kho hóa chất	621	35.768			420	15.022.700	180	6.438.300
PN38/12	15/12	Mua hóa chất nhập kho	331	35.800	750	26.850.000			930	33.288.300
PN20/12	17/12	Mua hóa chất nhập kho	331	35.150	5700	175.750.000			6.630	209.038.300
PX22/12	18/12	Xuất kho hóa chất	621	31.529			6.000	189.174.000	630	19.863.270
									
		Tổng cộng:	×	×	14.000	499.857.000	11.300	402.280.000		
		Số dư cuối kỳ:							<u>2.700</u>	<u>97.577.000</u>

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 16

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang Trung Hồng Bàng HP

Mẫu số 01-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tài khoản: 152

Tháng 12/ 2010

STT	Mã nguyên vật liệu	Tên nguyên vật liệu	Số tiền			
			Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	VM	Viên may đệm	71.502.500	365.182.000	316.472.750	48.709.250
2	BD	Vải hoa bọc đệm	202.944.000	1.505.112.250	1.461.230.000	43.882.250
3	HCPOP	Hóa chất POP	-	499.857.000	402.280.000	97.577.000
4	HCTDI	Hóa chất TDI	345.940.000	748.200.000	803.677.200	290.462.800
6	HCPPG	Hóa chất PPG	54.718.258	668.653.500	697.748.800	25.622.958
7	CHI	Chỉ	-	6.952.688	5.321.277	1.631.411
8	THEP	Thép	190.573.453	7.856.576.400	6.692.462.000	1.354.687.853
9	MT	Mút trần	201.174.459	4.186.975.800	3.995.408.000	392.742.259
10	MECH	Méch	89.781.990	326.823.782	312.035.112	104.570.660

Cộng			11.469.958.750	12.689.542.500	18.368.228.700	5.791.272.550

2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Kế toán tổng hợp vật liệu là việc sử dụng các tài khoản kế toán để phản ánh, kiểm tra, giám sát các đối tượng kế toán có nội dung kinh tế ở dạng tổng quát.

Kế toán chi tiết vật liệu hàng ngày là cần thiết và quan trọng, bên cạnh đó kế toán tổng hợp vật liệu cũng là công cụ quan trọng không thể thiếu được và rất có ảnh hưởng trong công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ở Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng hiện nay, tổ chức công tác kế toán vật liệu được thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Cùng với việc kế toán chi tiết vật liệu, kế toán cũng đồng thời phải ghi sổ kế toán tổng hợp phản ánh tình hình nhập xuất vật liệu như giá trị thực tế vật liệu nhập kho, giá trị xuất kho theo từng đối tượng sử dụng, theo dõi công nợ...nhằm cung cấp số liệu phục vụ cho công tác lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu thông tin kinh tế cũng như phân tích hoạt động kinh tế, đồng thời đảm bảo theo dõi chặt chẽ việc thanh toán với người bán...

2.2.3.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

Trong công tác kế toán nhập vật liệu, kế toán công ty căn cứ vào các chứng từ sau.

- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho, phiếu thu tiền của người bán.
- Các chứng từ liên quan đến chi phí thu mua vật liệu.
- Phiếu nhập kho, phiếu chi tiền, séc chuyển khoản.

Để thực hiện công tác kế toán tổng hợp nhập vật liệu, công ty sử dụng một số tài khoản sau:

- Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu” và mở các tài khoản cấp 2:

1521: NVL chính: hóa chất POP (15211A), hóa chất PPG (15211C), hóa chất TDI (15211B), thép (15212A), vải may ga (15212B)...

1522: NVL phụ: chỉ (15222A), méch (15221A), băng dính (15222B)...

1523: nhiên liệu: than (1523A), ga (1523B)...

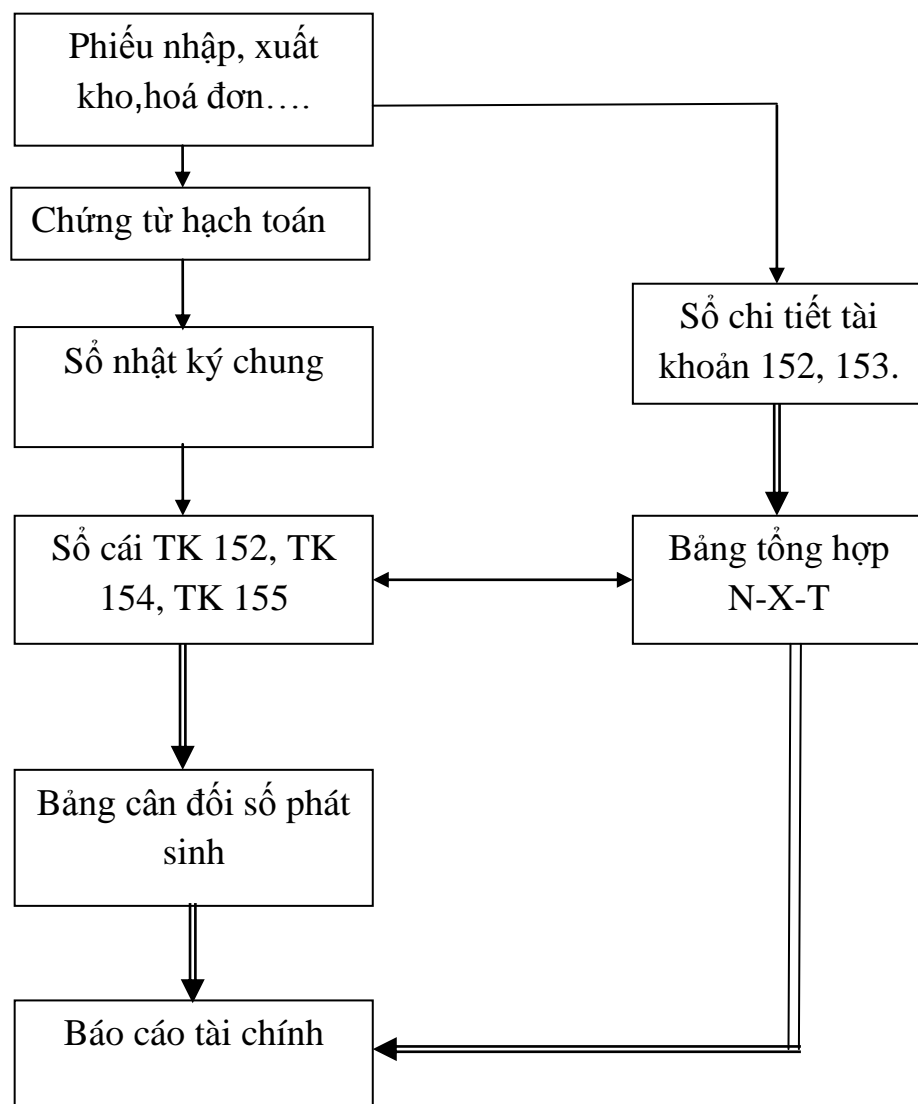
- Tài khoản 331 “Phải trả người bán” và được mở chi tiết cho từng người bán.

-Tài khoản 111: Tiền mặt

- Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng
- Tài khoản 141: Tạm ứng
- Tài khoản 133: Thuế GTGT được khấu trừ
- Tài khoản 627: Chi phí sản xuất chung.
- Tài khoản 621: Chi phí NVL trực tiếp...

2.2.3.2 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
- Ghi định kỳ : \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu : \longleftrightarrow

- Hàng ngày căn cứ vào các HĐGTGT, các phiếu thu, phiếu chi kế toán lập chứng từ hạch toán định khoản cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ chứng từ hạch toán kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời từ HĐGTGT, Phiếu thu, phiếu chi kế toán ghi vào sổ chi tiết các tài khoản 152,154,155,

- Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái các tài khoản liên quan

- Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết 152,154,155...kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Kế toán đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra sự chính xác của số liệu. Sau đó dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối năm căn cứ BCĐSPS, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC.

Ví dụ: *Ngày 02/12/2010 công ty mua 600kg hóa chất TDI của công ty TNHH hóa chất Petrolimex nhập kho, giá mua ghi trên hoá đơn là 35.000 đồng/kg, thuế GTGT 10%. Công ty chưa thanh toán tiền hàng.*

- Căn cứ HĐGTGT số 0040976 (Biểu số 01) và các chứng từ có liên quan kế toán lập chứng từ hạch toán số PK5645 (Biểu số 17) định khoản cho nghiệp vụ kinh tế vừa phát sinh. Từ chứng từ hạch toán vừa lập kế toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 22), đồng thời từ phiếu nhập kho, HĐGTGT kế toán vào sổ chi tiết TK 152 (Biểu số 14), TK 331(Biểu số 23).

- Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái các TK 152 (Biểu số 25), sổ cái TK 331 (Biểu số 26).

- Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết các tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết TK 152 (Biểu số 16), bảng tổng hợp chi tiết TK 331 (Biểu số 24). Kế toán đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết sau đó dựa vào sổ cái lập BCSPS.

- Cuối năm căn cứ vào BCĐSPS, bảng tổng hợp chi tiết lập BCTC.

Ví dụ: *Ngày 10/12/2010 xuất kho 470kg hóa chất TDI theo phiếu xuất kho số 20/12*

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 20/12 (Biểu số 9) kế toán lập chứng từ hạch toán số PK 5905 (Biểu số 19). Từ chứng từ hạch toán kế toán vào sổ nhật

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

ký chung (Biểu số 22). Đồng thời từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 14).

- Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 152 (Biểu số 25) và sổ cái các tài khoản có liên quan.

- Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết kế toán vào bảng tổng hợp chi tiết 152 (Biểu số 16). Kế toán đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết sau đó dựa vào sổ cái lập BCSPS.

- Cuối năm căn cứ vào BCĐSPS, bảng tổng hợp chi tiết lập BCTC.

Biểu số 17

Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng
Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng

CT số: PK363/12/TCKT

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

Tháng 12 năm 2010

Căn cứ quy chế tài chính của công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng

Căn cứ HĐGTGT số 0040976 ngày 02 tháng 12 năm 2010 của công ty TNHH hóa chất Petrolimex.

Căn cứ vào phiếu nhập kho số 07/12 ngày 02 tháng 12 năm 2010

Nay phòng kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 1521 : 21.000.000

Nợ TK 1331 : 2.100.000

Có TK 331 : 23.100.000

Hải Phòng ngày 02 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 18

Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng
Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng

CT số: PK412/12/TCKT

CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN

Tháng 12 năm 2010

Căn cứ quy chế tài chính của công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Căn cứ Phiếu xuất kho số 20/12 ngày 10 tháng 12 năm 2010

Nay phòng kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 621 : 16.567.970

Có TK 1521 : 16.567.970

Hải Phòng ngày 10 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 19

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bằng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính:

Đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Phát sinh trong kỳ			
					
02/12	PK363/12	02/12	<i>Mua hóa chất TDI nhập kho</i>	1521	21.000.000	
				1331	2.100.000	
				331		23.100.000
					
06/12	PK384/12	06/12	<i>Mua hóa chất POP nhập kho</i>	1521	13.135.000	
				1331	1.313.500	
				111		14.448.500
					
09/12	PK405/12	09/12	Mua hóa chất TDI nhập kho	152	15.840.000	
				1331	1.584.000	
				331		17.424.000
					
10/12	PK412/12	10/12	<i>Xuất kho hóa chất TDI</i>	621	16.567.970	
				1521		16.567.970
					
14/12	PK435/12	14/12	<i>Xuất kho hóa chất POP</i>	621	15.022.700	
				1521		15.022.700
					
			Cộng phát sinh		<u>119.890.794.756</u>	<u>119.890.794.756</u>

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(Ký,họ tên,đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên,đóng dấu)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 20

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TK 331
Tháng 12 năm 2010
Công ty TNHH hóa chất Petrolimex

NT ghi sổ	CT		Diễn giải	TK ĐƯ	SPS	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			<u>343.000.000</u>
02/12	0040976	09/12	Mua hóa chất TDI Thuế GTGT đầu vào	152 133		21.000.000 2.100.000
05/12	0062054	05/12	Mua hóa chất TDI Thuế GTGT đầu vào	152		17.300.000
				133		1.730.000
					
09/12	0063169	09/12	Mua hóa chất PPG Thuế GTGT đầu vào	152		38.950.000
				133		3.895.000
					
18/12	GBN497	18/12	Trả tiền HĐ 0061179	112	54.532.500	
					
			Cộng		577.800.000	610.352.700
			Dư cuối kỳ			<u>375.552.700</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 21

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tên TK : Nguyên vật liệu

Số hiệu : 152

Năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>11.469.958.750</u>	
			PS trong kỳ			
					
02/12	PK363/12	02/12	Nhập hóa chất TDI	331	21.000.000	
					
06/12	PK384/12	06/12	Mua hóa chất POP	111	13.135.000	
					
09/12	PK406/12	09/12	Mua viên may đệm nhập kho	3311	218.620.000	
10/12	PK412/12	10/12	Xuất kho hóa chất TDI	621		16.567.970
					
14/12	PK435/12	14/12	Xuất kho hóa chất POP	621		15.022.700
			Cộng phát sinh		12.689.542.500	18.368.228.700
			Số dư cuối kỳ		<u>5.791.272.550</u>	

Ngày..... tháng.....năm....

Người ghi sổ
(ký,họ tên,đóng dấu)

Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Giám đốc
(ký,họ tên,đóng dấu)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 22

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bằng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tên TK : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu : 621

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			PS trong kỳ			
					
03/12	PK366/12	03/12	Xuất kho hóa chất POP cho PXSX	152	48.375.000	
06/12	PK384/12	06/12	Mua méch xuất thẳng cho PXSX	111	8.142.650	
07/12	PK 396/12	07/12	Xuất vải may ga cho PXSX	152	158.240.000	
					
09/12	PK407/12	09/12	Mua chỉ xuất thẳng cho PXSX	111	620.000	
10/12	PK412/12	10/12	Xuất kho hóa chất TDI	152	16.567.030	
14/12	PK435/12	14/12	Xuất kho hóa chất POP	152	15.022.700	
					
			K/c chi phí SXKD dở dang	154		20.689.542.500
			Cộng phát sinh		20.689.542.500	20.689.542.500
			Số dư cuối kỳ			

Ngày..... tháng.....năm....

Người ghi sổ
(ký,họ tên,đóng dấu)

Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Giám đốc
(ký,họ tên,đóng dấu)

2.3 Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại công ty TNHH SX &KD Mút xốp Việt Thắng

Định kì cuối năm, Công ty tổ chức kiểm kê vật liệu để phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số liệu tồn kho trên thực tế và số liệu sổ sách.

Vì các loại vật liệu của Công ty chủ yếu là vật liệu dễ kiểm soát, có thể trực tiếp kiểm tra được nên việc kiểm kê được tiến hành khá đơn giản. Bộ phận kiểm kê căn cứ vào chứng từ nhập, xuất kho vật liệu và số lượng vật liệu tồn kho để tính ra được hiệu quả sản xuất kinh doanh, tốc độ bán ra của từng loại vật liệu để Ban Giám đốc có sự điều chỉnh kịp thời.

Trước mỗi lần kiểm kê khi vật tư được sự thông báo của hội đồng kiểm kê công ty, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời ở phòng kế toán các sổ kế toán về vật tư đều được khóa sổ sau khi kế toán tính ra giá trị hàng tồn kho của vật tư.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm.....Hội đồng kiểm kê thể hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lí thích hợp như : thanh lí, nhượng bán quyết định đòi bồi thường nếu cá nhân làm mất hoặc gây hỏng.....Căn cứ vào các biên bản xử lí kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ.

Nhìn chung công tác kiểm kê kho ở công ty trong những năm trở lại đây không có trường hợp mất mát chỉ có vài trường hợp thiếu. bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan như nguyên vật liệu, công cụ chủ yếu là: phân may, cúc bấm, khóa, kim.....dễ bị oxy hóa, dễ gãy trong quá trình bảo quản nhưng số lượng không đáng kể.

- Nếu vật liệu do thiếu hụt tự nhiên được quyết định xử lý cho phép tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán ghi:

Nợ TK 642: Giá trị vật liệu bị thiếu

Có TK 152:

- Trường hợp phát hiện thừa nguyên vật liệu, kế toán ghi:

Nợ TK 152: Giá trị vật liệu thừa

Có TK 711:

VD: Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 31/12/2010, Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật tư (Biểu số 30)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Biểu số 26

BÁO CÁO KIỂM KÊ VẬT TƯ
Năm 2010

Thời điểm kiểm kê : 7h30 ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ban kiểm kê gồm:

- | | | |
|-------------------------|--------------------------|--------------------|
| - Ông : Hoàng Văn Sơn | Chức vụ: Phó Giám đốc | Trưởng ban kiểm kê |
| - Ông : Nguyễn Đức Nhân | Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật | Ủy viên |
| - Bà : Phạm Thị Nhân | Chức vụ: Thủ kho | Ủy viên |
| - Bà : Vũ Thu Phương | Chức vụ: Kế toán | Ủy viên |

Đã kiểm kho có những mặt hàng sau:

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	ĐVT	Đơn giá	Sổ sách		Thực tế		Chênh lệch				Chất lượng		
				SL	T.Tiền	SL	T.Tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
								SL	T. Tiền	SL	T.Tiền			
1	Hóa chất TDI	Kg	34.172	8.500	290.462.800	8.500	290.462.800	-	-	-	-	X		
2	Hóa chất POP	Kg	36.140	2.700	97.577.000	2.700	97.577.000	-	-	-	-	X		
3	Chi	Cuộn	16.820	96	1.631.411	96	1.631.411	-	-	-	-	X		
4	Viên may	m	25.700	1.895	48.709.250	1.895	48.709.250	-	-	-	-	X		
5	Vải bọc	m	34.300	1.277	43.882.250	1.277	43.882.250	-	-	-	-	X		
													
	Tổng				5.791.272.550									

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm kê

Kết luận của ban kiểm kê: Đa số các loại vật tư còn tốt 100% và số lượng không chênh lệch với sổ sách

Chương III:

Một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Mút xốp Việt Thắng

3.1- Nhận xét về kế toán NVL tại Công ty.

Kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh đến nay, công ty đã trải qua không ít khó khăn và thách thức để vươn lên tạo chỗ đứng cho mình trên thị trường. Đặc biệt là trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay, muốn tồn tại thì phải cạnh tranh lẫn nhau. Nhưng chính những rào cản đó lại là những động lực để công ty nỗ lực, phát huy mọi thế mạnh của mình, từng bước vươn lên phát triển và khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn thiếu thốn về mọi mặt nhưng với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Đó là kết quả của quá trình phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn công ty, kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh về trình độ quản lý của đội ngũ lãnh đạo công ty.

Công tác quản lý và kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng cũng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của công ty. Bởi chỉ có quản lý tốt thì kinh doanh mới tốt, công tác kế toán tốt thì thông tin kế toán mới đảm bảo được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ cho quản trị nội bộ cũng như làm cơ sở để đưa ra những chiến lược kinh doanh tối ưu.

Chính nhờ sự nỗ lực và học hỏi không ngừng đó khiến cho công ty ngày một làm ăn có hiệu quả, uy tín của công ty ngày được nâng cao, hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện và đóng góp một phần vào ngân sách Nhà nước.

Qua thời gian tìm hiểu và tiếp cận thực tế về công tác kế toán, được sự quan tâm giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong công ty và với những kiến thức tiếp thu được ở trường, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1 Ưu điểm:

Bộ máy tổ chức quản lý cũng như bộ máy kế toán của công ty được tổ chức phân cấp quản lý như hiện nay là rất phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Việc bố trí, sắp xếp, phân công công việc có trật tự, gọn nhẹ, có sự kết hợp mật thiết với nhau từ trên xuống. Chính nhờ sự liên kết này Ban lãnh đạo công ty có thể thu thập được thông tin một cách kịp thời giúp cho việc ra quyết định quản lý đúng đắn.

Dựa trên đặc điểm tổ chức, quy mô kinh doanh là một doanh nghiệp có khối lượng công việc nhiều, bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung. Theo hình thức này mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được tập trung xử lý tại phòng kế toán.

Ngoài ra công ty tổ chức lập chứng từ hạch toán cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, số hiệu của các chứng từ được đánh theo tuần tự giúp cho việc theo dõi và kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được dễ dàng hơn. Hơn nữa kế toán trưởng có thể kiểm tra lại các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để tránh nhầm lẫn, sai sót trước khi vào sổ sách.

3.1.2 Nhược điểm:

- Về tổ chức bộ máy kế toán và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán: Việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn hạn chế. Với khối lượng công việc khá nhiều nhưng công tác kế toán của công ty chủ yếu là thủ công, công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo cáo số liệu có lúc còn hạn chế và thiếu tính kịp thời. Hơn nữa trong công ty vẫn còn hiện tượng nhận người quen biết vào làm việc mà chưa có chuyên môn nên làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty.

- Công ty có nhiều loại nguyên vật liệu đặc biệt là các loại hóa chất khó bảo quản nên việc bảo quản nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng, nếu không bảo quản tốt sẽ gây thiệt hại cho công ty. Vì vậy việc xây dựng thêm và tu sửa lại hệ thống kho tàng bền bỉ cần phải được quan tâm, chú trọng hơn nữa.

- Công ty chưa xây dựng danh điểm vật tư hàng hóa nên việc theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu của công ty còn chưa được kịp thời và hiệu quả. Để thuận lợi cho việc theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu được dễ dàng và chính xác hơn.

- Tại công ty chưa thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, việc đó có thể gây ra rủi ro trong việc tính giá thành sản phẩm làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Vì thế công ty nên xây dựng danh điểm vật tư để tránh được những rủi ro do sự biến động giá cả của nguyên vật liệu.

- Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty chưa được thực hiện thường xuyên, cuối năm công ty mới tiến hành công tác kiểm kê nên không phát hiện kịp thời được sự mất mát, hư hỏng nguyên vật liệu để xử lý kịp thời. Vì vậy mà công ty cần tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu thường xuyên hơn để phát hiện và xử lý kịp thời.

- Hệ thống sổ sách chưa được hoàn thiện, rõ ràng khiến cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên sổ sách sẽ khó khăn. Công ty nên thay đổi mẫu sổ để thuận tiện cho việc theo dõi của kế toán cũng như ban lãnh đạo.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.

Qua những cơ sở lý luận về hạch toán nguyên vật liệu với việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu và áp dụng lý luận vào thực tiễn kế toán nguyên vật liệu tại Công ty chúng ta đã thấy rõ được vai trò và vị trí của thông tin kế toán nguyên vật liệu trong việc đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý kế toán và quản trị Doanh nghiệp.

Xuất phát từ yêu cầu trên việc hoàn thiện tổ chức hạch toán nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng. Hoàn thiện tổ chức hạch toán nguyên vật liệu sẽ giúp Doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, qua đó hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao lợi nhuận cho Doanh nghiệp.

Bên cạnh đó sự phát triển của nền kinh tế thị trường đòi hỏi kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải luôn đổi mới. Một mặt thừa nhận nguyên tắc chuẩn mực quốc tế mặt khác phải áp dụng một cách khoa học, phù hợp với chuẩn mực, với thực tế của công ty. Có như thế công tác tổ chức kế toán mới đem lại hiệu quả cao góp phần cho sự tồn tại và phát triển của Doanh nghiệp.

Trên cơ sở nắm bắt được điều đó, các nhà quản lý đã nghiên cứu và tìm ra các phương pháp hạch toán, cách thức quản lý tổ chức phù hợp với đặc điểm và tình hình sản xuất của công ty mình.

Thứ nhất: Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Trong bộ máy quản lý còn có những người thân quen mà chưa có chuyên môn cao làm cho việc quản lý doanh nghiệp bị hạn chế, không được hiệu quả. Vì vậy mà doanh nghiệp phải thay đổi cơ cấu tổ chức trong bộ máy quản lý và thực sự nghiêm túc trong việc tuyển dụng để giúp doanh nghiệp quản lý tốt và hiệu quả công việc cao. Bên cạnh đó doanh nghiệp vẫn còn áp dụng hình thức kế toán thủ công làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy doanh nghiệp nên áp dụng hình thức kế toán máy để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

Để doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh được hiệu quả thì công tác quản lý đóng vai trò khá quan trọng. Vì vậy mà bộ máy quản lý phải tuyển dụng những người thực sự có năng lực, không được vì tình cảm quen biết mà nhận những người không có năng lực, chuyên môn kém vào làm việc để làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty phải tổ chức tuyển dụng một cách nghiêm túc theo đúng yêu cầu và sự cần thiết của công ty để làm việc có năng suất, có hiệu quả cao.

Muốn thực hiện tốt công tác hạch toán nguyên vật liệu nói riêng, công tác kế toán nói chung thì việc quy định hình thức kế toán và trình tự ghi sổ khoa học, hợp lý là rất cần thiết. Trong thời đại hiện nay hầu hết các công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy nên công ty cũng nên tiếp thu sự tiến bộ đó để giúp cho việc quản lý các nghiệp vụ kinh tế của bộ phận kế toán cũng như ban lãnh đạo của công ty dễ dàng hơn. Tuy nhiên, cần thấy rõ thực tế trong công tác kế toán, về mặt tâm lý là sự cố gắng tránh những biến động hoá mang tính nguyên tắc ảnh hưởng đến hoạt động của công ty mà chủ yếu là những biến động về mặt tổ chức. Vì thế, việc đưa máy vi tính vào công tác kế toán nên triển khai theo từng công đoạn để tránh gây xáo động lớn trong quá trình hạch toán. Trước khi áp dụng phần mềm kế toán công ty cử nhân viên đi đào tạo để tiếp cận với phần mềm kế toán, có kiến thức về phần mềm kế toán để về áp dụng tại công ty.

Nếu công ty hoàn thiện được bộ máy kế toán và áp dụng phương pháp kế toán máy thì hiệu quả công việc sẽ cao hơn, việc cung cấp thông tin và số liệu sẽ được chính xác và nhanh chóng hơn giúp các nhà quản lý đưa ra phương pháp lãnh đạo công ty tốt hơn làm cho công ty đạt lợi nhuận cao hơn.

Thứ hai: Về hệ thống kho tàng bến bãi:

Nguyên vật liệu của công ty còn nhiều chủng loại khác nhau đặc biệt là các loại hóa chất nên công tác bảo quản nguyên vật liệu của công ty là rất quan trọng. Vì vậy mà công ty cần chú trọng đến các kho tàng bến bãi để bảo quản nguyên vật liệu được đảm bảo.

Công ty phải xây dựng thêm kho tàng để bảo quản nguyên vật liệu tránh hư hỏng gây thiệt hại cho công ty. Ngoài ra có những kho tàng đã được xây dựng lâu năm công ty phải kiểm tra và tu sửa lại cho đảm bảo có thể giữ gìn và bảo quản nguyên vật liệu tốt hơn.

Khi hệ thống kho tàng bến bãi của công ty được xây dựng đầy đủ và được tu sửa chắc chắn sẽ giúp cho việc bảo quản nguyên vật liệu được tốt hơn, nguyên vật liệu không bị hư hỏng và mất mát tránh được tổn thất kinh tế cho công ty.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Thứ ba: Về công tác quản lý vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu trong công ty có nhiều chủng loại vì vậy doanh nghiệp nên lập danh điểm vật tư để việc theo dõi và kiểm soát vật tư được dễ dàng và chính xác hơn.

Để thuận tiện cho công tác quản lý vật liệu được chặt chẽ thống nhất, đối chiếu kiểm tra được dễ dàng và dễ phát hiện khi sai sót và thuận tiện cho việc muốn tìm kiếm thông tin về một loại vật liệu nào đó, trước hết công ty nên mở "Sổ danh điểm vật liệu". Sổ danh điểm vật liệu được mở theo tên gọi, quy cách nguyên vật liệu bằng hệ thống chữ số, đơn vị tính và giá hạch toán muốn mở được sổ này trước hết công ty phải xác định số danh điểm vật liệu thống nhất trong toàn công ty chứ không phải xác định tùy ý chỉ giữa kho và phòng kế toán. Sổ danh điểm vật tư còn cung cấp thông tin về giá trị vật liệu xuất, tồn kho bất cứ khi nào theo giá hạch toán. Bởi vì như đã nói ở trên, hạch toán chi tiết vật liệu ở công ty áp dụng phương pháp thẻ song song và việc tính giá xuất vật liệu theo phương pháp bình quân liên hoàn, như vậy việc mở sổ danh điểm vật tư sẽ góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán, xử lý nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ quản lý, điều chỉnh sản xuất kinh doanh và rất thuận tiện cho việc sử dụng phần mềm kế toán cho phân vận hành hạch toán vật liệu trên máy vi tính

Sổ danh điểm vật liệu có thể được xây dựng theo mẫu sau:

Kho	Danh điểm vật tư	Tên vật tư	Đơn vị tính	Giá hạch toán	Ghi chú
VT901	1521	Vật liệu chính	KG		
	1521A	Hóa chất POP	KG		
	1521B	Hóa chất TDI	KG		
				
	1522	Vật liệu phụ	Cuộn		
	1522A	Chỉ may ga giường	Cuộn		
	1522B	Chỉ may da đệm ghế	Cuộn		
				

Mở sổ danh điểm vật liệu phải có sự kết hợp nghiên cứu của phòng kế toán, phòng kế toán cung ứng sau đó trình lên cơ quan chủ quản của công ty để thống nhất quản lý và sử dụng trong toàn công ty.

Khi công ty xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư thì việc theo dõi, kiểm tra vật tư được dễ dàng hơn rất nhiều và như vậy ban lãnh đạo có thể đưa ra hướng giải quyết kịp thời để không làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất tránh được những tổn thất ngoài ý muốn.

Thứ tư: Về công tác tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu

- Doanh nghiệp nên hoàn thiện công tác kiểm kê kho, tiến hành kiểm kê thường xuyên hàng tháng hoặc hàng quý để kịp thời phát hiện những loại vật tư bị thiếu hụt hay còn dư thừa, ít dùng cho sản xuất hoặc xuất bán để từ đó có những biện pháp xử lý kịp thời cũng như đề ra các biện pháp khắc phục và những quyết định thu mua, xuất bán vật liệu. Công tác kiểm kê thường sử dụng thước đo hiện vật để đo lường như đo, đếm tại chỗ. Khi phát hiện thừa, thiếu vật liệu tại kho, kế toán phải xác định nguyên nhân và ghi sổ kế toán.

Vì doanh nghiệp có rất nhiều loại nguyên vật liệu hơn nữa còn có những nguyên vật liệu là hóa chất dễ bị hư hỏng nên công ty cần chú trọng vào việc kiểm tra nguyên vật liệu trong kho tránh được những thất thoát, mất mát nguyên vật liệu. Hơn nữa việc kiểm kê thường xuyên giúp doanh nghiệp phát hiện và xử lý kịp thời khi bị mất hay hư hỏng nguyên vật liệu. Trên thực tế đến cuối năm doanh nghiệp mới tiến hành công tác kiểm kê nguyên vật liệu trong kho, như vậy nếu có những hóa chất bị hư hỏng trong quá trình lưu trữ thì doanh nghiệp sẽ không kịp thời xử lý sẽ dẫn đến những tổn thất kinh tế, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Như vậy hàng tháng hoặc hàng quý doanh nghiệp phải tiến hành việc kiểm tra

nguyên vật liệu trong kho để đảm bảo tính an toàn và xử lý kịp thời những tổn thất có thể xảy ra.

Thứ năm : Về công tác trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Trong điều kiện kinh doanh theo cơ chế thị trường, để hạn chế rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và tôn trọng nguyên tắc “thận trọng” của kế toán, các doanh nghiệp cần thực hiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Doanh nghiệp nên thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để kiểm soát được sự chênh lệch giá cả tránh được những tổn thất trong việc biến động giá cả.

Theo quy luật của nền kinh tế thị trường, hàng hoá nói chung và vật liệu nói riêng được mua bán với sự đa dạng và phong phú tùy theo nhu cầu sử dụng. Giá cả của chúng cũng thường xuyên không ổn định. Có thể tháng này giá vật liệu cao hơn tháng trước và ngược lại, do đó đã làm ảnh hưởng đến việc xác định chính xác giá thực tế vật liệu mua vào, lại càng khó trong việc hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh. Em nghĩ việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thực sự có ý nghĩa đối với công ty TNHH SX & KD Mút xốp Việt Thắng, nhất là khi giá cả không ổn định mà chủng loại vật liệu mua vào ngày càng nhiều do yêu cầu mở rộng sản xuất. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp công ty bình ổn giá trị vật liệu cũng như hàng hoá trong kho, tránh được cú sốc của giá cả thị trường. Bên cạnh đó, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhiều khi còn đóng vai trò là những bằng chứng quan trọng của công tác kiểm toán và kiểm tra kế toán toàn công ty.

Dự phòng giảm giá còn có tác dụng làm giảm lãi niên độ kế toán, nên doanh nghiệp tích lũy được một nguồn tài chính mà lẽ ra nó đã được phân chia. Nguồn tài chính này tạm thời nằm trong tài sản lưu động và khi cần sử dụng để bù đắp cho các khoản thiệt hại thực tế do vật tư, sản phẩm hàng hoá tồn kho bị giảm giá phát sinh. Một điểm lợi nữa đó là lập dự phòng giảm giá được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập theo các điều kiện: Số dự phòng không được vượt quá số lợi nhuận thực tế phát sinh của công ty sau khi đã hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích từ năm trước, và có bằng chứng về các vật liệu tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá trị thường thấp hơn giá ghi trên sổ kế toán. Trước khi lập dự phòng, công ty phải lập hội đồng thẩm định mức độ giảm giá của vật liệu tồn kho. Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế, công ty xác định mức dự phòng theo phương thức sau:

Mức dự phòng giảm giá vật liệu cho năm kế hoạch	Lượng vật liệu tồn kho giảm giá tại 31/12 năm báo cáo	Giá hạch toán trên sổ kế toán	Giá thực tế trên thị trường tại 31/12
---	---	-------------------------------	---------------------------------------

Giá thực tế vật liệu trên thị trường bị giảm giá tại thời điểm 31/12 là giá có thể mua hoặc bán trên thị trường. Việc lập dự phòng phải tiến hành riêng cho từng loại vật liệu và tổng hợp vào bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá vật liệu tồn kho của công ty. Bảng kê này chính là căn cứ để hạch toán vào chi phí quản lý của công ty.

Khi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho công ty sẽ hạn chế được rủi ro trong quá trình sản xuất, tránh được những tổn thất kinh tế do sự thay đổi giá cả của nguyên vật liệu trên thị trường.

Cách hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Thứ sáu: Về hình thức sổ hạch toán

Về hệ thống sổ sách hiện tại doanh nghiệp sử dụng chưa được chi tiết làm cho việc theo dõi sẽ khó khăn không hiệu quả ví dụ như sổ chi tiết phải trả người bán (TK331) chưa theo dõi được chi tiết số dư sau mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hệ thống sổ sách là yếu tố quan trọng trong việc quản lý và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, là cơ sở giúp ban lãnh đạo điều hành quản lý doanh nghiệp. Vì vậy hệ thống sổ sách sử dụng phải chi tiết, rõ ràng, chính xác, dễ hiểu để ban lãnh đạo công ty dễ dàng theo dõi. Nhìn vào sổ chi tiết TK 331 (Biểu số 20) mà doanh nghiệp đang sử dụng trên thì chỉ theo dõi tình hình phát sinh của doanh nghiệp trong kỳ mà không theo dõi được số dư của tài khoản, sẽ gây khó khăn cho việc đưa ra phương hướng quản lý doanh nghiệp của ban lãnh đạo công ty. Vì vậy công ty nên thay đổi mẫu sổ như sau để thuận lợi cho việc theo dõi kiểm tra số liệu để đưa ra phương pháp giải quyết kịp thời.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

Công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng
Số 80 Quang trung-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số 01- TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TK 331
Tháng 12 năm 2010
Công ty TNHH hóa chất Petrolimex

NTghi số	CT		Diễn giải	TK ĐƯ	SPS		Số dư	
	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					343.000.000
02/12	0040976	09/12	<i>Mua hóa chất TDI Thuế GTGT đầu vào</i>	152 133		21.000.000 2.100.000		364.000.000 366.100.000
05/12	0062054	05/12	Mua hóa chất TDI Thuế GTGT đầu vào	152 133		17.300.000 1.730.000		383.400.000 385.130.000
							
09/12	0063169	09/12	Mua hóa chất PPG Thuế GTGT đầu vào	152 133		38.950.000 3.895.000		277.597.000 281.492.000
							
18/12	GBN497	18/12	Trả tiền HĐ 0061179	112	54.532.500			230.106.500
							
			Cộng		577.800.000	610.352.700		
			Dư cuối kỳ					375.552.700

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Để không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp cần phải có những biện pháp tích cực trong việc đẩy mạnh vòng quay của vốn lưu động, sử dụng hợp lý tài sản lưu động nhất là sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguyên vật liệu đó chính là cơ sở để thực hiện mục đích nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, tăng tích lũy cho doanh nghiệp. Đây cũng chính là những tiền đề giúp cho doanh nghiệp có khả năng đứng vững trên thị trường hiện nay.

Muốn thực hiện được điều đó các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải không ngừng hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp nâng cao chất lượng công tác hạch toán nói chung và công tác kế toán vật liệu nói riêng là một việc làm có ý nghĩa quan trọng nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất trong quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH SX & KD mút xóp Việt Thắng được sự giúp đỡ của Ban giám đốc công ty và phòng kế toán cùng với sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình của thầy giáo Nguyễn Minh Phương đã giúp đỡ em hoàn thiện luận văn “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH SX & KD mút xóp Việt Thắng”

Trong thời gian thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu tại đây về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu quản lý kinh tế nói chung và hạch toán kế toán nói riêng. Tuy nhiên qua nghiên cứu, em nhận thấy có một số vấn đề cần bổ xung thêm. Với nhận thức chủ quan của mình, em xin mạnh dạn tham gia một vài ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty, công ty có thể tham khảo, xem xét áp dụng nếu thấy phù hợp.

Vì thời gian thực tập có hạn, với những kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô giáo và cán bộ kế toán công ty để bản luận văn của em được

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

hoàn thiện hơn. Thực sự có ý nghĩa trên cả lĩnh vực lý luận và thực tiễn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Nguyễn Văn Thụ và Ban giám đốc công ty cùng các cán bộ phòng tài chính kế toán của công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng đã giúp em hoàn thành luận văn này.

Sinh viên

Lê Thị Xuân Ánh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính (áp dụng cho doanh nghiệp Việt Nam) – Nhà xuất bản Thống Kê 2001
2. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính: TS. Nguyễn Văn Công - NXB tài chính – 2004
3. Hệ thống kế toán doanh nghiệp - NXB tài chính – 2004
4. Kế toán tài chính- Trường ĐH Tài chính- Kế toán Hà Nội- NXB tài chính 2002.
5. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Nhà xuất bản tài chính.
6. Số liệu, sổ sách kế toán năm 2010 của công ty TNHH SX & KD mút xốp Việt Thắng.
7. Các tài liệu tham khảo khác.

Danh mục sơ đồ

<i>Sơ đồ 1.1</i> : Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.	11
<i>Sơ đồ 1.2</i> : Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.	12
<i>Sơ đồ 1.3</i> : Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.	14
<i>Sơ đồ 1.4</i> : Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.	17
<i>Sơ đồ 1.5</i> : Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	21
<i>Sơ đồ 1.6</i> : Trình tự ghi sổ theo phương pháp nhật ký chung.	26
<i>Sơ đồ 2.1</i> : Quy trình sản xuất mút.....	32
<i>Sơ đồ 2.2</i> : Quy trình sản xuất đệm lò xo.	33
<i>Sơ đồ 2.3</i> : Quy trình sản xuất đệm mút.	34
<i>Sơ đồ 2.4</i> : Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty.	35
<i>Sơ đồ 2.5</i> : Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty.	38
<i>Sơ đồ 2.6</i> : Mô hình tổ chức hạch toán sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.	43
<i>Sơ đồ 2.7</i> : Quy trình hạch toán theo phương pháp thẻ song song.	49
<i>Sơ đồ 2.8</i> : Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu.	69

Danh mục bảng biểu

<i>Biểu số 01</i> : Hóa đơn giá trị gia tăng số 0040976.....	52
<i>Biểu số 02</i> : Hóa đơn giá trị gia tăng số 0005227.....	53
<i>Biểu số 03</i> : Biên bản kiểm kê vật tư ngày 02/12/2010.....	54
<i>Biểu số 04</i> : Biên bản kiểm kê vật tư ngày 06/12/2010.....	55
<i>Biểu số 05</i> : Phiếu nhập kho số 07/12.....	56
<i>Biểu số 06</i> : Phiếu nhập kho số 18/12.....	57
<i>Biểu số 07</i> : Lệnh xuất kho số 20/12.....	58
<i>Biểu số 08</i> : Lệnh xuất kho số 21/12.....	59
<i>Biểu số 09</i> : Phiếu xuất kho số 20/12.....	60
<i>Biểu số 10</i> : Phiếu xuất kho số 31/12.....	61
<i>Biểu số 11</i> : Thẻ kho hóa chất TDI.....	62
<i>Biểu số 12</i> : Thẻ kho hóa chất POP	63
<i>Biểu số 13</i> : Báo cáo tồn kho nguyên vật liệu	64
<i>Biểu số 14</i> : Sổ chi tiết nguyên vật liệu hóa chất TDI.....	65
<i>Biểu số 15</i> : Sổ chi tiết nguyên vật liệu hóa chất POP	66
<i>Biểu số 16</i> : Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu.....	67
<i>Biểu số 17</i> : Chứng từ hạch toán số PK 5645	71
<i>Biểu số 18</i> : Chứng từ hạch toán số PK 5905	72
<i>Biểu số 19</i> : Nhật ký chung.....	73
<i>Biểu số 20</i> : Sổ chi tiết tài khoản 331	74
<i>Biểu số 21</i> : Sổ cái tài khoản 152.....	75
<i>Biểu số 22</i> : Sổ cái tài khoản 621.....	76
<i>Biểu số 23</i> : Báo cáo kiểm kê vật tư.	78

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.....	3
1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2 Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2.1 Khái niệm nguyên vật liệu:	3
1.1.3 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.....	4
1.1.3.1 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu	4
1.1.3.2 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu.	5
1.1.4 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.	6
1.1.4.1 Phân loại nguyên vật liệu	6
1.1.4.2 Tính giá nguyên vật liệu.....	7
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	10
1.2.1 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu	10
1.2.1.1 Phương pháp thẻ song song	10
1.2.1.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	12
1.2.1.3 Phương pháp sổ số dư	13
1.2.2 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	15
1.2.2.1 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	15
1.2.2.2 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	19
1.3 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	22
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SX VÀ KD MÚT XÓP VIỆT THẮNG.....	27

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	27
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH SX và KD mút xốp Việt Thắng.....	27
2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	30
2.1.2.1 Ngành nghề kinh doanh.	30
2.1.2.2 Quy trình sản xuất tại công ty.	31
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	34
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	34
2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.....	36
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	37
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	37
2.1.4.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	40
2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	40
2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	42
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.....	44
2.2.1 Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu.....	44
2.2.1.1 Đặc điểm nguyên vật liệu.....	44
2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu.....	45
2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	45

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX&KD
Mút xốp Việt Thắng

2.2.2.1 Thủ tục nhập-xuất nguyên vật liệu.....	45
2.2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty	48
2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	68
2.2.3.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng	68
2.2.3.2 Quy trình hạch toán.....	69
2.3 Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại công ty TNHH SX &KD Mút xốp Việt Thắng.....	77
Chương III: Một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Mút xốp Việt Thắng.....	79
3.1- Nhận xét về kế toán NVL tại Công ty.	79
3.1.1 Ưu điểm:.....	80
3.1.2 Nhược điểm:.....	80
3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh mút xốp Việt Thắng.	81